Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường (scan từ microfilm của Đại Học Cornell)


ĐÃ CÓ BÁN KHẮP CÁC NHÀ SÁCH TRONG NƯỚC

*Tác-phẩm đầu tiên của nhà xuất-bản ĐẠI-VIỆT*

# Cư kỉnh

GIÁO DỤC TIỂU-THUYẾT

CỦA

HỒ BIỂU-CHÁNH

*Một ông văn [illegible] thấm thích say sưa.*
*[illegible]*
*[illegible] trong [illegible] không [illegible] gia-đình [illegible]*
*Sách [illegible]*
*[illegible]*
*Mua [illegible] có [illegible]*

ông HỒ-VĂN KỲ-TRÂN
[illegible]
[illegible] SAIGON

BACLIEU : *Librairie Trung-hiếu Nghĩa*
BARIA : *Bảo-Hòa [illegible]*
BENTRE : *Librairie Minh-Sơn*
BIENHOA : *Nguyễn-văn Thước*
*Nguyễn-văn [illegible]*
CANTHO : *Au Bon Accueil [illegible] Saint-noy*
CHAUDOC : *Librairie [illegible]*
*Librairie [illegible]*
CHOLON : *Đỗ-phương Quế*
*Lê - văn - Hòa, Bd Tổng-đốc-Phương*
CAIBE : *Bazar Hồng-Sơn*
CAOLANH : *Maison Sáu-Oanh*
CAMAU : *Nguyễn-đạo-Đức*
C.St JACQUES : *Bazar « Aux Variétés »*
GOCONG : *Thái-ngọc-Bình*
HATIEN : *Nhà sách ông Đông-Hồ*
HUE : *Librairie Văn-Hóa*
*Librairie Hương-Giang*
KAMPOT : *Nguyễn văn Mậu rue Pavie*
LONGXUYEN : *Librairie Hữu Thái*
LAITHIEU : *Phan-văn Lượng*
MYTHO : *Librairie Võ-văn-Tâm*
*Nam-Cường Thơ-Xã*
GÒCAY : *[illegible] Thơ*
*[illegible] Mỹ-Thành*
NINHOA : *Nguyễn Thảo*
*Hiệp [illegible]-Long*
PHANTHIET : *Maison Trương Xuân*
*Nguyễn-văn-Dân*
PHONGTHANH : *Bazar Quảng-Tấn*
PNOMPENH : *Võ-văn-Kích*
*Bazar Trương-Xuân*
*Librairie Nguyễn-Lương*
*Librairie Kim-Sơn*
QUANGNGAI : *Librairie Hồ-Chư*
*Librairie Vương-Công*
RACHGIA : *Librairie Tân Văn*
*Ets Văn Hóa*
SADEC : *Quang-Anh Thư Quán*
*Maison Thạnh-Phú*
SOCTRANG : *Librairie Lý-công-Quận*
TAYNINH : *Librairie Chấn-Hưng*
THUDAUMOT : *Lê văn Giàu*
DAUTIENG : *Trần-văn-Long*
TRAVINH : *Lưu tấn Hòa*
VINHLONG : *Long Hồ Thơ quán*
VINH : *Kiosque Thanh-Tao*


Imp. THANH-MAU, 3 Rue de Reims — Saigon
*Le Gérant* : HỒ-VĂN KỲ-TRÂN

Số 9 — Giá : 0$20 29 Octobre 1942

# Tuần báo

Giám-đốc : HỒ-VĂN TRUNG

HỌC ĐƯỜNG

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường (scan từ microfilm của Đại Học Cornell)

# ĐẠO THẦY TRÒ

*TÔI chắc các bạn cũng như tôi, từ người ta bước chơn vào đường đời, tuy chúng ta phải tranh đấu mà giữ-gìn sanh-mạng: tuy chúng ta phải chịu uốn mình xuôi thuận với nhơn-tình, nhưng khi nào chúng ta có dịp nhắc lại khoảng đời niên thiếu của chúng ta, thì chúng ta chẳng khỏi nhớ cái trường học là chỗ hồi trước chúng ta tập rèn trí ý để làm người, nhứt là nhớ mấy ông giáo dạy dỗ cho chúng ta quen lễ nghi, biết chữ nghĩa. Mà hễ nhớ tới trường học xưa, nhớ tới ông giáo cũ, thì chúng ta chơn-chứa cảm tình, rồi bồi hồi trong dạ, bồi-hồi cũng như nhớ cửa nhà và mẹ cha chúng ta vậy.*

*Cái nghĩa thầy trò đã ghi khắng trong trí não dân-tộc ta từ xưa, bởi vì đời vua Lê-Huyền Tôn, tháng 7, năm Cảnh-Trị ngươn niên (1663) có ban hành 47 điều giáo hóa, trong điều thứ 7 có chỉ rõ đạo thầy trò. Những điều giáo hóa ấy đặt bằng Hán-văn. Qua năm Cảnh-Hưng thứ 21 (1760), đời vua Lê Hiển-Tôn, quan Lại bộ Thuyên-khảo-ti Lang-Trung, là cụ Nhữ Đình-Toản, mới diễn ra quốc âm như vầy:*

Nầy lời dặn kẻ sư sinh,
Giữ cho phải đạo chớ tình tư thiên.
Thầy thì chánh kỷ vi tiên,
Để làm mực thước mà khuyên mọi người.
Trò thì lòng kính chớ rời.
Thờ thầy hơn nữa thờ nơi sinh thành.

*Điều giáo hóa ấy lưu truyền đời đời, bởi vậy khi cụ Đồ-Chiểu đặt quyển thơ « Lục Vân-Tiên », đến lúc Vân-Tiên từ tạ tôn sư mà đi thi, cụ có viết câu này:*

Ra đi vừa rạng chơn trời,
Ngùi ngùi ngó lại nhớ nơi học đường!

*Ấy vậy, học đường là gia-đình thứ nhì của chúng ta, còn giáo sư là cha về phần trí của chúng ta. Chúng ta mến trường, kính thầy, là chúng ta làm theo lễ giáo của tổ tiên di hạ. Lễ-giáo ấy tuy cũ, song không thấy có chỗ nào ngăn trở sự tấn-hóa của chúng ta. Trái lại, nó làm cho phong-tục ta thuần-mỹ, nó làm cho tánh tình ta cao thượng, chớ không có hại chỗ nào.*

*Chúng ta chẳng nên chê đạo thầy trò xưa là dở: nếu có dở là tại chúng ta làm cho ra dở đó thôi.*

*Bực sư phụ và hàng môn-sanh nên lưu ý về vấn-đề ấy.*

**HỒ-VĂN TRUNG**

Muốn có một đứa con biết lễ nghĩa, thì cha mẹ cần phải chú ý dùng oai-quyền mà diều-dắt nó luôn luôn, diều-dắt một cách vừa dịu-ngọt vừa cứng-cỏi. Kỷ-luật của học-đường phải tiếp giúp với kỷ-luật của gia-đình. Được như vậy, chỉ có được như vậy, thì mới đào-tạo được những con người và những dân-tộc dõng mãnh.

**Thượng-tướng PÉTAIN**

# TỚI TRƯỜNG ĐỂ LÀM GÌ?

của **THIẾU-SƠN**

*HỎI em nhỏ, em tới trường để làm gì?*

— Tôi đến trường học cho biết đọc để biết trong sách có những gì. Khi mà môi khép lại, mắt mờ đi, người ta đã bị cái chết nó vật ngả, tư tưởng hầu như bị lưu-lạc vào những nơi bí-hiểm thăm u mà linh-hồn tôi đấy thì không sao về được...

Nhưng cái tư tưởng của người ta lại cứ còn hiện hiện ở trong những tờ giấy, dưới những hàng chữ in nó che phủ, như một tạn lửa bất-diệt mà một hơi thổi nhẹ nhàng đủ làm cho sáng rực.

Ông hãy lòng lại mà nghe khi ông lật những trương giấy lấm tấm đen. Ông có nghe thấy rì rào lộn xộn bao nhiêu là tiếng mà tôi không biết là tự đâu đưa tới, tự những vực sâu hang thẳm của bao nhiêu thế-kỷ đã qua.

Đó là những thế-hệ đã tiêu-trầm mà sống lại.

Đó là những người chết nói với ta mà không một sức mạnh nào làm cho họ im được.

Ở cái vật chất tầm thường tinh thần xuất lộ một cách rực rỡ vẻ vang.

*— Hỏi em nhỏ em tới trường để làm gì?*

— Tôi đến để học viết. Chỉ những nét xiêng xéo có những hình-tượng dị-kỳ ở trong tập-giấy. Song những nét xiêng xéo có hình-tượng dị-kỳ đó lại có một tánh chất nhiệm-mầu. Những điều tôi nghĩ-ngợi, những cái tôi cảm xúc ở chỗ kín đáo nhứt trong tâm-hồn tôi, sẽ nhờ những hàng chữ đó nhắc lại cho những người thân yêu tôi ở xa cách muôn trùng.

Một ngày kia mà tôi phải vượt biển xa nhà, lưu lạc ở quê người đất khách, chúng nó sẽ nói với cha tôi, với mẹ tôi rằng tôi vẫn nghĩ đến các ngài và thương yêu các ngài.

*— Hỏi em nhỏ, em tới trường để làm gì?*

— Tôi đến để học làm toán. Những con số để chỉ năm, chỉ tháng, chỉ từ tuần-lễ, từ ngày, từ giờ, từ phút, từ dây, chỉ cái hành trình của những hành tinh xoay quanh mặt trời, cái châu vi của trái đất và những sự xa cách giữa các vì tinh tú trong không gian.

Những con số đó còn dùng vào được những việc tầm thường hơn nữa. Nhà bác-học thì đem chúng nó vào những thể thức cao xa, mà kẻ ngu dốt thì dùng chúng nó mà tính toán những sự chi phí trong gia đình.

Hết một năm, chúng nó chỉ cho ta biết cái công lao mỗi ngày của kẻ nông-phu và của người lao-động.

Nói cho rõ hơn thì những con số đó dạy cho ta biết cần-lao, biết dự-trữ, và biết phòng-bị cho những ngày sẽ tới.

Một với một là hai. Hai với hai là bốn.

*— Hỏi em nhỏ, em đến trường để làm gì?*

— Không ra khỏi làng, chỉ có tấm địa-đồ trên tay, một quyển địa-dư dưới mắt, tôi đi vòng quanh thế-giới, để gót chơn du-tử ở khắp hết đó đây, nào Á-châu, Âu-châu, Phi-châu; cho đến cả Mỹ-châu, Úc-châu. Nhưng không đâu quyến rũ tôi hơn là xứ sở nước tôi, cái nước có những đồng-bằng bát ngát, có núi non chập chồng, mà ở gần ngày người sống vẫn có những đồng-bào quá cố yên nghỉ ở những cánh nghĩa-địa khoảng khoát tại các chốn châu-thành hay ở những bãi tha-ma tiêu điều nơi thôn-giả.

*— Hỏi em nhỏ, em tới trường để làm gì?*

— Khi mà chưa có tôi, chưa có cả cha mẹ tôi nữa, đã có biết bao nhiêu những người mà tôi không quen biết. Hỡi những tiền nhơn quá cố đã xây dựng nên cái tổ quốc nầy! Tôi không

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường (scan từ microfilm của Đại Học Cornell)

muốn chỉ biết tên các ngài mà thôi đâu. Tôi còn muốn biết công nghiệp của các ngài nữa.

Tôi tới trường để học lịch-sử.

∴

— *Hỡi em nhỏ, em đến trường để làm gì ?*

— Tôi muốn biết giữa khoảng không bát ngát làm thế nào mà ánh sáng ở thế giới nầy truyền qua thế-giới kia, mà những đám mây đang chạm nhau lại nảy ra chớp-nhoáng. Tôi muốn biết những mãnh lực thiên-nhiên mà nhờ ánh sáng của tư tưởng người ta đã chế phục được.

Tôi muốn thấy cái nhựa cây « sên » nó đi từ gốc cứng ở dưới đất cho tới những lá mềm che phủ đầu nó ở trên cao chót vót.

Tôi muốn thấy cái hồng hà của máu nó có cả ngàn chi lưu và thâm nhập cả tới những lần xếp của bộ óc.

∴

— *Hỡi em nhỏ, em tới trường để làm gì ?*

— Ở tôi, tôi tìm thấy những sức mạnh tương phản : sức mạnh của điều thiện, sức mạnh của điều ác, sức mạnh của nhơn-đạo, sức mạnh của vật-dục. Tôi không đến thế-giới này để uống, để ăn, để ngủ và để chết đặng nhường chỗ lại cho những kẻ khác sẽ như tôi uống, ăn và ngủ !

Tôi tới đây để thành tựu một sự nghiệp cao thượng hơn, vẻ vang hơn, và xứng đáng hơn.

Tôi tới đây để nên người hữu-ích, công bằng và từ-tế.

Những luật-pháp của công-lý, những nguyên-tắc của nhơn nghĩa, những giáo-điều của sự quảng đại khoan hồng, nhứt nhứt tôi đều muốn biết. Tôi chạy đến nhà trường để tập đánh những vần thiêng liêng trong cuốn sách bất tử của tâm hồn nhơn loại, sách luân-lý.

∴

— *Hỡi em nhỏ, em đến trường để làm gì ?*

— Thật ra tôi chỉ là một đứa con nít, nhưng tôi muốn thành nên người lớn.

Chẳng phải chỉ lớn ở hình-hài mà còn phải lớn ở lý-trí và ở tấm lòng.

Hỡi trường học ở nước ta, ta đem tâm-hồn của ta tới cho mi đó, cái tâm-hồn nhỏ dại, yếu ớt hơn cả cái xác bọc ngoài, mi hãy làm cho nó thanh nên một tâm-hồn Pháp, một tâm-hồn người.

Số phận ta sau này ra sao trời kệ, hoặc làm chủ nông-phu xới đất đào mương, hoặc làm người thợ tầm thường đem gạch đá chồng chất lên nhau mà xây những căn nhà tiều tụy, hoặc làm viên kỹ-sư dốc suất những nhà máy khổng lồ, hoặc thành nhà bác - học giúp cho loài người bớt cực nhọc, bớt đau khổ, hay nên nhà triết - học... lo giải quyết những câu đố của vũ-trụ nhơn-gian.

... Hỡi trường học nước ta ! Trong khi ta nghe lời mi dạy, hãy làm sao cho ta sẽ trở nên một người thợ của pháp-luật, của công-lý và của chơn-lý.

*(Dịch theo bài « A l'école que vas-tu faire ? » của Léon Deries)*

**THIỀU-SƠN**


# NAM-KỲ TUẦN-BÁO

*là một tờ tuần-báo có giá-trị và được độc-giả hoan-nghinh nhứt Namkỳ.*

*« Namkỳ Tuần-báo » do ông Hồ Văn-Trung chủ-trương và một đám văn-nhơn lựa lọc viết giúp bài vở. Nó có nhiều bài nghị-luận xác đáng, khảo cứu kỹ càng, giáo-dục cần ích, đoản-thiên vui vẻ và tiểu-thuyết đứng-đắn.*

*Đọc tập chí Đại-Việt không, chưa đủ.*

*Phải đọc luôn « Namkỳ Tuần-báo » mới hoàn toàn.*

GIÁ BÁN N.K.T.B.

| | | |
|---|---|---|
| MỘT NĂM | 10 | $ 00 |
| SÁU THÁNG | 5 | 00 |
| MỖI SỐ | 0 | 20 |

Quản-lý : **HỒ-VĂN KỲ-TRÂN**

*5, Rue de Reims — SAIGON*




# KHOA SỬ-KÝ HỌC Ở TRƯỜNG

HỌC-ĐƯỜNG là nơi đào-tạo người dân cho nước, là nơi sản xuất nhơn-tài cho quốc-gia.

Người thường dân hay bực nhơn-tài muốn được thiệt lòng yêu nước, cần phải hiểu rõ lịch sử của nước nhà.

Bởi vậy dạy sử-ký ở trường, khi mà óc non của thiếu niên còn dễ nhớ dễ cảm, lúc là sớm gây cho chúng một cái tinh thần quốc-gia bền chặt về sau nầy.

Dạy môn sử có một sứ phận sự rất cao quí ; cái phận sự cao quí ấy là gây ra một cái trách nhiệm nặng nề.

Khoa sử ký đã mang tiếng là khô-khan, khó hiểu, sẽ nhờ thầy giỏi và tận tình với chức-vụ mà trở nên một môn học có nhiều hứng-thú.

Trong con mắt học trò, thầy là một người hoạt bát, kể truyện xưa tích cũ rất khéo được và đầy thú vị. Thầy tả tích Phù Đổng Thiên vương và tích mũi tên thần của An dương vương với tình chồng vợ của Mị Châu, Trọng Thủy, nhưng thầy không quên chỉ chỗ hoang đường và dặn trẻ đừng tin là thật.

Thầy còn là một người thông thái biết bàn luận, phân xét rành mạch ngay thẳng để làm sống lại một cách vẻ vang, trực rỡ những đoạn đời đã thuộc về dĩ vãng.

Nhắc đến công-nghiệp của nhà Trần, thầy không quên nói rõ rằng văn-học và sử-học Việt-Nam được thạnh hành là kể từ đời đó và hai tên Hàn-Thuyên, Lê-văn-Hưu trẻ em nên ghi nhớ nằm lòng.

Nói đến sự sanh tồn của người xưa, thầy kể rõ cuộc Nam-tiến của dân ta đã có một sức bành-trướng mãnh-liệt. Nào Chiêm-thành bị thâu phục nào Thủy-chơn-lạo và Cao-miên chịu bảo hộ, nào Xiêm-la và Ai-lao kính nhường.

Sử ký còn là một cái màn ảnh linh động và kỳ xảo, chiếu qua các thời-đại, đời sống và việc làm của những nhơn-vật lịch sử. Những nhơn vật ấy là gương tốt nên noi, hay gương xấu nên tránh, đối với người nào thế biết cân-phân, phán xét.

Kể lại cái nghĩa khí của hai chị em Trưng-vương, cái chiến công hiển hách của Trần-hưng-Đạo, cái ông gang dạ sắt của vua Lê-Lợi, thầy dạy sử thừa cơ hội ấy miêu tả những hành vi bạo ngược của Tô-Định, của quân Nguyên, của quân Minh đã gây cảnh lầm than cho dân Việt. Những cảnh ấy khéo tả sẽ làm động lòng bạn trẻ và gợp chúng nhớ rằng chúng đang sống chung với chúng-tộc đồng-bào, cùng chung chịu vui, buồn, sướng, khổ. Sống lịch-sử không phải là sống.

Thuật lại việc làm hèn nhát của vua Lê-chiêu-Thống đã cống rắn cắn gà nhà, cầu viện sức Tàu hầu trở về ngôi báu là để đối chiếu với công trình vĩ đại của vua Quang - Trung Nguyễn-Huệ.

Những vị anh hùng cứu quốc gặp được công nghiệp ngàn muôn năm, bất hủ, cốt để bảo tồn tổ quốc, giang sơn, những vị anh hùng ấy phải được thanh niên ghi tên khắc họ trong đầu óc, tâm can.

Như trên đã nói, học sử cần phải biết xét đoán, để phân biệt việc nên khen với việc đáng chê, vậy thầy dạy sử dùng ngôn ngữ bày tỏ một cách cẩn thận và vô tư những ý nghĩ của mình đối với một thời đại một nhơn vật hay một việc đã xảy ra trong lịch sử. Những ý nghĩ ấy nếu khéo lựa, khéo bày sẽ dần dụ được trẻ em vào địa hạt công dức và quốc gia.

Trải mấy ngàn năm, tinh thần chủng tộc của dân Việt-Nam còn sống mãi trong lịch sử, cái tinh thần ấy về nhờ thầy dạy sử nơi trường truyền lại cho bạn thanh niên để tiếp tục nuôi dưỡng cho được thêm phần vẻ vang hùng vĩ.

Nước Việt - Nam biết bao phen bị xâm chiếm, nếu không nhờ công khó của tiền nhơn gây dựng lại rồi bảo vệ cho đồng bào khai khẩn đất hoang, mở mang bờ cõi thì ngày nay đâu còn được một dải non sông gấm vóc như thế nầy. Vậy trẻ em nơi trường, do nơi thầy giảng dạy, phải biết rõ công ơn ấy để tôn sùng tổ mộ tổ tiên của đất nước và khối hồ rằng trong lịch sử Việt-Nam không có những đứng anh hùng bất tử,

Vậy, cần nhứt là biết rõ luôn rằng những nỗi thăng, trầm, vinh, nhục đã trải qua chính là những bài học quí dạy ta vững lòng tin nơi vận-mạng của quốc gia, nơi tương-lai của nòi giống.

**KHUÔNG-VIỆT**

# BUỔI HỌC

## chuyện ngắn

*CUỘC đại-biến xảy đến cho nước Pháp năm 1940 vừa qua, làm cho nhiều người nhớ lại một cuộc đại biến khác trong lịch-sử của nước Pháp, hồi năm 1870-1871. Hồi đó, Pháp và Phổ (Prusse) đánh nhau, nước Pháp bị thất trận một cách nặng nề, Pháp-hoàng Na-bô-lê-Ông đệ-tam (Napoléon III) bị bắt làm tù binh ở Xơ-đan (Sedan), tiếp đến kinh thành Ba-ri (Paris) bị vây hãm. Ngày 10 tháng 5 năm 1871, nước Pháp phải ký hòa-ước Phơ-răn-pho (Francfort), nhường cho Phổ trọn tỉnh An sách (Alsace) và miền bắc tỉnh Lô-ranh (Lorraine), ở đông-bắc nước Pháp.*

*Nhà văn hào Pháp An-phông Đô-Đê (Alphonse Daudet), trong truyện ngắn « Buổi học cuối cùng » (La dernière classe), đã khéo mượn lời của cậu học-trò xứ An-sách mà kể lại một chuyện rất là cảm-động — chuyện xảy ra trong một trường học nhỏ ở xứ An-sách, khi xứ đó bắt đầu thuộc về nước Phổ.*

*Lần đầu tiên tôi đọc truyện ấy — nghĩa là cũng đã lâu rồi — tôi cũng đã cảm thấy lòng bồi-hồi, nửa như muốn khóc. Từ đó đến nay, thỉnh thoảng có đọc lại đôi ba lần, mà lần nào cũng không thấy ngán và cũng cảm thấy lòng như se lại.*

*Hôm nay, tôi đem dịch cái truyện ngắn đó ra quốc văn, để tặng cho anh em bạn trẻ. Tôi không dám có ưa-vọng sức mình có thể lột được hết tinh-thần và diễn được hết cái hay, cái đẹp của nguyên-văn ; nếu độc-giả đọc mấy hàng dưới đây mà cảm được cái lâm-ly thống-thiết của câu chuyện, rồi những người hiểu được tiếng Pháp dễ dàng sẽ tìm đọc, hoặc đọc lại lần nữa, nguyên-văn của Alphonse Daudet, thì tôi đã lấy làm hài lòng rồi vậy. — H. P.*

Sáng hôm đó, tôi đi học thiệt quá sức trễ, và lòng tôi hồm-hớp sợ bị rầy, thêm vì ông Ha-Mên (Hamel) đã có nói trước rằng sẽ hỏi bài chúng tôi về « phân từ » (participes), mà ngay chữ đầu tôi cũng không biết ! Trong một lúc, tôi đã có ý nghĩ muốn trốn học và bỏ chạy chơi ngoài đồng.

Trời hôm nay mới ấm áp, mới trong trẻo làm sao !

Người ta nghe tiếng sáo hót ở cạnh rừng và, sau lưng trại cưa, tiếng những người lính Phổ đang diễn tập trong cánh đồng cỏ Ri-be (Rippert). Những cái đó cám dỗ tôi mạnh hơn là lụật phân từ ; nhưng tôi cưỡng lại được, và dằm đầu chạy vụt đến trường.

Ngang qua xã-sảnh (mairie), tôi thấy có nhiều người tụ lại trước tấm lưới sắt nhỏ, trong có dán những tờ cáo-thị. Từ hai năm nay, đó là chỗ chúng tôi tiếp-nhận được tất cả những lịnh sung-công, những lịnh trên nhà binh đưa xuống ; nên, vẫn không ngừng chạy, tôi nghĩ :

« Không biết còn chuyện gì đó nữa ? »

Ngay lúc đó, thấy tôi chạy băng qua, anh thợ rèn Hoa-Te (Wachter) đang đứng đọc tờ cáo-thị với người thợ tập-sự, kêu với theo :

— « Em nhỏ ! đừng lật-đật quá vậy ! Em tới trường học của em cũng vẫn còn sớm chán ! »

Tôi tưởng anh chàng muốn ngạo tôi, và lại cắm đầu chạy thẳng ; bước vô cái sân nhỏ của ông Ha-Mên, tôi thở hào-hển và thiếu điều đứt hơi.

Thường ngày, khi giờ học vừa mới bắt đầu thì trong lớp ồn-ào hết sức, cho tới ngoài đường cũng nghe, nào tiếng nắp bàn mở lên rồi đậy xuống, nào tiếng những bài học mà người ta đồng-thanh đọc đi đọc lại thiệt to, vừa la vừa bịt tai để nhớ cho dễ, và tiếng cây thước to-lớn của thầy giáo nhịp xuống bàn :

« Im một chút coi ! »

Tôi hy-vọng nhờ sự lộn xộn đó, tôi lại chỗ ngồi mà không ai thấy, thì mới lạ làm sao ! ngay ấy đâu đó đều im lặng như tờ, chẳng khác chi một buổi sáng chưa nhựt. Ngó qua cửa sổ, tôi thấy mấy bạn học của tôi đã ngồi yên rồi, còn ông Ha-Mên thì đang đi qua đi lại với cây thước đồ sộ kẹp trong nách. Dã



# CUỐI CÙNG

## A. DAUDET

giờ, phải mở cửa và bước vô giữa sự yên lặng ấy. Các ngài nghĩ coi mặt tôi có đỏ không và tôi có sợ hay là không sợ ?

Ả vậy, mà không sao. Ông Ha-Mên ngó tôi với một cái nhìn không có vẻ gì giận-dữ và nói một cách rất dịu dàng :

« Phơ-Răn (Frantz) con mau về chỗ đi ; chút nữa thì chúng ta đã bắt đầu buổi học mà thiếu mặt con rồi đó. »

Tôi bước qua cái ghế dài và ngồi đại xuống chỗ mình. Lúc đó, hơi hoàn hồn, tôi mới để ý thấy thầy chúng tôi bận cái áo lễ rất đẹp màu xanh lam, thắt cái giải bằng bông mỏng xếp lại và đội cái mũ lụa đen có thêu, những lễ phục mà thầy tôi chỉ dùng trong những ngày có ông Thanh-tra đến xét trường hoặc những ngày phát phần thưởng. Lại thêm, cả phòng học hôm nay lại có một vẻ gì khác thường và trang nghiêm quá. Nhưng điều làm cho tôi ngạc nhiên hơn hết là ở chót lớp, trên những dãy ghế dài, mọi ngày vẫn trống lổng, có những người trong làng đang ngồi im lặng như chúng tôi : ông già Hô-Xe (Hauser) với chị mũ ba sừng, ông Xã cựu, bác phu rau cũ, và còn mấy người khác nữa.

Họ thấy đều có vẻ buồn buồn, ông Hô-Xe lại có đem theo một quyển sách tập đánh vần đã cũ mèm, ba phía biên đã bị mọt gặm nát, ông để quyển sách lật ngửa ra trên hai đầu gối, với cặp kiếng to lớn của ông nằm ngang trên mấy trương giấy.

Tôi đang còn chưa hết ngạc nhiên về những sự lạ-lùng đó, thì ông Ha-Mên đã bước ại bàn dạy, rồi, cũng với cái giọng ngọt-ngào và nghiêm-trang mà ông đã dùng với tôi khi nãy, ông cất tiếng nói :

« Các con ơi ! bữa nay là bữa chót mà thầy dạy các con đó. Bổ có lịnh ở Bét-lanh (Berlin) gởi lại : biểu từ rày phải dạy rông tiếng Đức trong các trường học ở An-sách (Alsace) và ở Lô-ranh (Lorraine) mà thôi. . . Mai đây, thầy giáo mới sẽ đến. Vậy hôm nay là buổi học tiếng Pháp cuối cùng của các con đó. Thầy xin các con hãy rán mà chăm-chỉ. »

Những lời ấy làm cho lòng tôi rối loạn. Trời ! quân khốn-nạn ! tè ra ở xã-sảnh, vừa rồi chúng đã yết-thị như vậy đó !

Buổi học tiếng Pháp cuối cùng của tôi !...

Vậy mà tôi mới vừa lom lem biết viết ! Thôi ! vậy là từ rày tôi không bao giờ được học hết, vậy là hết rồi, học đến đây là phải dừng lại ! Bây giờ tôi nghĩ lại mà tự giận mình biết bao nhiêu về những thì giờ đã hư mất, những buổi trốn học để đi bắt ổ chim hay để chạy trượt trên mặt sông Xa (Saar) ! (1) Những quyển sách của tôi mà mới hồi nãy đây, tôi còn thấy nặng nề và chán ngắt làm sao, quyển văn-pháp, quyển thanh-sử (histoire sainte), bây giờ tôi thấy như là những bạn thiết xưa, tôi không thể nào rứt đi mà lòng không đau đớn. Đối với ông Ha-Mên cũng vậy. Cái ý nghĩ rằng ông sẽ đi, rằng tôi sẽ không còn được thấy mặt ông nữa, làm cho tôi quên hẳn những sự trừng-phạt và những lúng thước xưa nay.

Tội-nghiệp thầy cho ông già !

Hôm nay, ông bận những đồ lễ-phục tối-đẹp chính là để tôn trọng cái buổi học cuối cùng này đây, và bây giờ tôi hiểu rồi, vì sao mấy ông già ở trong làng kia lại cũng đến ngồi ở dưới chót lớp học. Làm vậy, chừng như họ hối-tiếc rằng trước kia họ đã không thường đến bước tới đây. Làm vậy, cũng gọi là để tỏ chút lòng cảm ơn thầy giáo của chúng tôi về sự dã tận tụy với nghề trong 40 năm, và để bày tỏ tấm lòng của họ đối với tổ-quốc trong những ngày ly biệt... (2)

Tôi đang còn bận suy nghĩ đến đó, thì bỗng nghe kêu tên tôi. Bây giờ đã đến phiên tôi đọc bài. Có gì mà tôi muốn cho bằng có thể đọc được từ đầu đến cuối cái luật kỳ-diệu về phân-từ, đọc lớn tiếng, đọc rõ ràng, không sai, không vấp ; nhưng mới mấy chữ đầu tôi đã lúng túng và, mình lắc qua lắc lại, tôi đứng tại chỗ ngồi, lòng buồn muốn khóc, không dám ngước mặt nhìn lên. Tôi nghe tiếng ông Ha-Mên nói :

(1) Bên Pháp, về mùa đông, nhiều nhỏ có thể chơi chạy trượt trên những con sông nước đã đặc.

(2) Xứ An-sách đã bắt đầu bị Phổ chiếm cứ.

« Phe-Răn con, thầy không rầy con đâu, con bị trừng phạt như vậy, hẳn là đủ rồi. Đó, như vậy đó. Ngày nào cũng tự nói : « Hứ ! thiếu « cái thì giờ. Để mai rồi hãy học. Rồi ngày nay, con đã thấy chưa ?... Buồn thiệt ! cái hại lớn hơn hết cho xứ An-sach của chúng ta là sự giáo-dục cứ luôn luôn nay lần mai lữa mà hẹn lại. Bây giờ bọn họ có quyền mà nói với chúng ta : «Sao vậy kia ! các anh đã cho mình là dân nước Pháp, mà tiếng Pháp của các anh, các anh cũng chẳng biết nói mà cũng chẳng biết viết !... Trong đó, Phe-Răn con ơi, con cũng chưa phải là người tội nặng hơn hết. Chúng ta, người nào cũng có một phần lỗi của mình.

« Cha mẹ các con không thiết lòng muốn thấy các con thành những người có học thức. Cha mẹ các con muốn cho các con đi làm ngoài đồng, hoặc trong mấy hầm đất, để có thêm năm ba xu, hơn là cho các con đến trường.

« Còn thầy đây, có phải là không có gì để tự trách đâu ? Đâu có phải là thầy không bao giờ biểu các con đi tưới vườn cho thầy những khi đáng lẽ phải bắt các con học ? Và lúc nào thầy muốn đi câu, thầy đâu có ngại gì mà không cho các con ở nhà... »

Rồi đó, chuyện nầy tiếp qua chuyện kia, ông Ha-Mèn bắt đầu nói với chúng tôi về tiếng Pháp, rằng tiếng Pháp là tiếng nói đẹp nhứt thế-giới, rõ ràng nhứt, vững vàng nhứt; rằng chúng tôi cần phải gìn giữ tiếng Pháp giữa chúng tôi, đừng bao giờ quên, vì lẽ rằng khi một dân tộc đã bị làm nô lệ, hễ còn biết bảo tồn cái tiếng nói của mình, thì chẳng khác chi cầm được trong tay cái chìa khóa để mở cửa ngục... (1). Rồi ông cầm một quyển văn-phạm và đọc cho chúng tôi nghe bài học hôm nay. Tôi ngạc nhiên thấy tôi hiểu mới nhiều làm sao ! Ông nói gì tôi cũng thấy dễ hiểu hết, dễ hiểu lạ lùng. Mà chắc từ trước đến nay, chưa bao giờ tôi nghe chăm chỉ như thế, và cũng chưa bao giờ ông Ha-Mèn cắt nghĩa bài một cách cẩn thận, một cách tận tâm như thế. Tội nghiệp ! Hình như trước khi đi, ông muốn đem tất cả sở học của ông mà trút hết lại cho chúng tôi, mà in sâu một lần vào trí não của chúng tôi !

(1). « Nếu giữ được tiếng nói, — là giữ được cái chìa khóa để mở những giây xiềng. » — F. Mistral.

Bài học xong, đến giờ tập viết. Hôm đó, ông Ha-Mèn có làm sẵn cho chúng tôi những kiểu mới tinh-bảo, trên có những chữ viết « rông » rất đẹp : Pháp, An-sách, Pháp, An-sách, ngó có vẻ như những lá cờ nhỏ, mốc trên mu bàn, phấp-phới xung quanh lớp học. Phải chi các ngài được thấy mỗi người chúng tôi chăm chỉ làm sao ! Và im lặng thì thiệt là im-lặng ! Người ta chỉ nghe có tiếng ngòi viết chạy sột sạt trên mặt giấy mà thôi. Một lúc, có mấy con bọ-hung bay vô phòng ; nhưng nào có ai thèm để ý, cho đến những đứa nhỏ chót xíu cũng vậy, chúng mắc đang cặm-cụi kể từ nét sổ, bao nhiêu tâm-trí để tất cả vào đó, tưởng như là đó cũng là chữ Pháp nữa ! . . Trên nóc nhà, mấy con bồ-câu gù-gù nho-nhỏ, tôi lóng tai nghe và tự nghĩ :

« Không biết rồi đây người ta còn sẽ bắt chúng nó « gù » bằng cái giọng Đức hay không ? »

« Chính thoáng, hễ tôi liếc mắt nhìn lên khỏi trương giấy, thì lại thấy ông Ha-Mèn ngồi sừng sờ sau bàn dạy, và ngó chăm chăm mọi vật ở xung quanh, làm như có ý muốn mang theo trong cái nhìn đó tất cả cái nhà trường nho-nhỏ của ông... Các ngài thử nghĩ xem ! Đã bốn mươi năm nay, ông ở luôn một chỗ nầy, với cái sân của ông trước mặt, với cái lớp học của ông chẳng có gì là thay đổi. Có chăng là những cái ghế, những cái bàn, vì luôn luôn cọ xát mà đã thành ra láng bóng ; những cây hồ đào (noyers) trước sân thì đã lớn cao, và cây hốt-bố (houblon) của chính tay ông trồng, thì bây giờ đã leo quanh mấy cửa sổ, lên tới nóc nhà. Ông già thiệt là đáng thương ! Phải từ biệt những vật ấy, nỗi đau lòng của ông làm sao tả được ! Và chắc ông đứt từng khúc ruột mà nghe trên lầu bà chị đi qua đi lại, đậy khóa rương hòm, vì mai đây đã phải đi, lìa hẳn xứ nầy, không có ngày trở lại !

Dầu sao, ông cũng còn đủ can đảm để dạy chúng tôi cho đến phút chót. Sau môn bài viết, chúng tôi học tới sử ký, rồi thì những đứa học trò nhỏ ngâm rập những « ba, bơ, bi, bô, buy ». Đàng kia, ở dưới chót lớp, ông già Hô-Xe đã trông cặp mắt kiếng và, hai tay cầm

(Coi tiếp qua trương 31)



# NHỚ QUÊ

Những hơi gió lạnh báo cho thằng Quan biết mùa Thu đã tới. Nó nhìn đoàn dê ăn cỏ bên lề đường Boudonnet, và trong một phút, nó nhớ lại những ngày nó sống ở nhà quê. Nó không biết trong làng nó hiện thời người ta làm gì và mẹ già có nhớ nó không ? Nó khẽ khẽ hát :

*Ngó lên ngó xuống thì vui,*
*Ngó về quê mẹ, bùi ngùi nhớ thương.*

Vài chiếc lá rơi trên cỏ gợi trong lòng nó bao nhiêu kỷ niệm buồn, vui, hàm và tiếc lẫn lộn.

Nó nhớ năm ấy xa lắm, nó còn đi học. Trường của nó học là một căn nhà lá thấp, và cũ. Nó nghe nói thầy giáo là một ông kỳ « nghỉ việc ». Trong nhà sắp ba tấm ván kê trên gạch cho các học trò và nó làm bàn viết. Còn chúng nó đều ngồi dưới đất.

Mai chiều nó cùng tập theo lũ trẻ đến trường. Nhưng, buổi còn sớm, chúng nó rồi quần áo bỏ trên bờ sông để tắm và lội đua, chúng nó lên vào vườn hàng xóm để ăn cắp trái cây, hay chúng nó đốn sậy làm cờ chạy hiệu. Có một lần thằng Chức chết đuối, thằng Gồng bị bắt được trong lúc nó còn trèo trên cây ổi và thằng Cho chạy đung ông Xã...

Tan học, chúng nó chia ra hai bọn : một về xóm trên và một về xóm dưới. Thằng Quan thuộc về bọn sau. Trong bọn nó có con Đẹt là hay khóc nhứt và thằng Cứng lại hay cười nhứt. Gặp hôm nào gió to, con Đẹt đi ngang cầu không được, đứng khóc bên bờ kia sông, thì thằng Cứng đứng bên nầy sông vỗ tay hát :

*Ví dầu cầu vàng đòng đình,*
*Cầu tre lắc lẻo gập ghình khó đi.*

Rồi nó vừa ngân dài ơ. . ơ... vừa cười như con đười ươi. Nhưng sau cùng, chính nó lại giúp cho con Đẹt qua sông. Hai đứa nó thương nhau hơn là anh em ruột.

Những ngày nghỉ, thằng Quan ở nhà giúp mẹ. Nó quét nhà, nó cho heo, gà, vịt ăn, nó chẻ củi trong lúc mẹ nó đi câu cá về kho ăn với cháo hoặc với cơm. Nó thương con gà rừng có một tiếng gáy thanh, một lớp lông đẹp, và một cặp cựa thật nhọn.

Vào mùa nước, nó đi hớt cá thia thia về nuôi trong những cái chai mẻ mà nó lượm được ngoài gốc tre. Nó thích ngồi xem hai con cá phùng mang, giương kỳ để đá bóng với nhau.

Đến mùa khô, nó đi bắt dế về nuôi trong những cái vỏ hộp quẹt củ mà mẹ nó không cất nữa. Những đêm thuộc bài sớm, nó vô mùng nằm, kê cái hộp dế bên tai và đánh lưỡi « chắc... chắc... » để chọc cho dế gáy.

Thằng Quan chỉ thích cái gì đẹp, cái gì êm dịu.

Những buổi nó theo thằng Nhịn giữ trâu — vì nhà thằng Nhịn có hai con trâu — hai đứa nó ngồi lắc-lẻo trên mình trâu mặc cho hai con vật đi lần theo đường mòn vô « láng » cỏ. Nó im lặng nhìn cái đẹp của bình minh, nhưng không hiểu lúc ấy trong đầu nó có những ý-nghĩ gì. Nó mơ-màng nhìn cánh chim lướt gió nhưng ai biết là nó tưởng gì...

Có lẽ nó còn thích cái gì xa. . . xa lắm.

Rồi một hôm bà Xã lại nhà nó, mua hai con gà. Bà Xã nói sắp đi Saigon. Bà tả cái đẹp lộng-lẫy của Saigon xa lạ đối với thằng Quan. Vô tình bà đã làm cho một quả tim non rạo-rực. Và tự nhiên nó xin mẹ cho theo xách gà giùm bà Xã và luôn dịp đi cho biết đó biết đây... bởi vì nó ngoan, nên bà Xã cũng cho nó theo bà.

* *

Hai năm qua.

Thằng Quan hôm nay đã chán cảnh Saigon. Nó nhớ cảnh đồng bao-la, con đường đất đỏ, trường học, bạn-bè, nó nhớ tất cả, nhứt là mẹ nó.

Từ ngày nó mê Saigon, từ ngày nó làm thằng bé chăn dê, từ ngày nó bắt đầu nhớ quê, cuộc đời đối với nó như một tuồng hát bộ ở đình làng. Những con đường đẹp, những rạp hát to, những nhà hàng lớn, bây giờ đối với nó chỉ là những cái đẹp xa-hoa lộng-lẫy, không bồi bổ cho tinh-thần nó được một chút nào.

(Coi tiếp qua trương 13)

# VẤN-ĐỀ DẠY LUÂN-LÝ TRONG CÁC TRƯỜNG

của

Mme LÊ-CHÍ-THIỆP

Trong bài diễn văn về «Công cuộc chấn chỉnh quốc-gia ở nước Pháp và khôi phục cổ-điển ở nước Nam», của ông Phạm-Quỳnh, quan Thượng-thơ bộ giáo-dục, đọc tại Huế ngày 20 Octobre 1941, có một đoạn như vầy : « Có thể nói cả cái đời luân-lý của dân tộc Việt-Nam là hun đúc bằng đạo Khổng, nói thế không phải là nói quá vậy. Những lời huấn-dụ, những lời cách ngôn của ông đại hiền-triết vừa à Socrate vừa là Lycurgue của xã-hội giống da vàng, trong 2 ngàn năm, đã tiềm nhiễm trong tâm-hồn người Việt-Nam và đã từng sáp nhập vào cái kho tri thức chung của dân-chúng xứ nầy. » Hướng chi luân-lý đạo Khổng căn-cứ ở đạo *hiếu* và đạo *trung*, hiếu với trung là gốc của gia-đình, của tổ-quốc. Thế thì luân-lý ấy rất hợp với câu đề từ của Đại Thống chế Pétain: « Cần-lao, Gia Đình, Tổ Quốc ».

## TẠI SAO CÓ LUÂN-LÝ ?

NẾU người ta sống riêng từng người, không liên-lạc, dính dấp với nhau, thì hẳn muốn ăn ở cách nào cũng được. Nhưng người ta sanh ra là đặng sống trong xã-hội, nghĩa là giữa những người khác, thế nên phải có những qui-tắc mà ai nấy đều phải luân theo, đặng giữ trật-tự trong xã-hội. Tất cả những qui-tắc ấy để chỉ dẫn hành-vi của mỗi người cho hợp lẽ phải, ta gọi bằng một tiếng chung là : Luân-lý. Chính nghĩa chữ *luân* là trật-tự, còn *lý* là lẽ phải.

## TẠI SAO CON NÍT CẦN HỌC LUÂN-LÝ ?

Ngoài ra một số rất ít người được sanh ra với bổn-tánh đạo đức và tinh thần sáng suốt, còn bao nhiêu là phải cần học-tập, phải cần có người chỉ dạy mới hiểu được điều ngay lẽ phải. Người dẫn tiến chỉ dạy là cha mẹ trong nhà, kế đến thầy nơi trường và những người sống chung quanh ta ngoài xã-hội.

Nhưng hiểu biết đạo-lý chưa hẳn là hành động theo đạo-lý. Muốn ăn ở cho hợp với đạo-lý điều cần nhứt là phải có những tập quán, thói quen đạo đức. Ngạn ngữ Tây có câu : Tập quán thành tự nhiên (l'Habitude est une seconde nature). Đây nói những tập quán ăn sâu vào tánh tình của người ta, nhứt là những cái in sâu vào trí nhớ trong thời kỳ thơ ấu, để lại trong hạ-ý-thức (inconscient) những dấu vết không bao giờ phai.

Bởi vậy thời kỳ gieo những đức tánh cho người ta chính là thời kỳ thơ ấu. Điều đứa nhỏ phải học trước nhứt là luân-lý. Lấy sự học đạo làm đầu và lấy sự học văn nghệ làm thứ. Đức Khổng-Tử nói rằng : « Học trò trong nhà thì hiếu thảo, ra ngoài thì kính nhường, cẩn thận mà thành thiệt, yêu mến mọi người nhưng thân với người có nhân đức. Làm được những điều đó rồi, có sức dư mới học văn », (Luận ngữ I 6). Cách ngôn ta có câu : « Tiên học lễ, hậu học văn ». Lễ chính là cái hình thức của luân-lý. Lại có câu ca dao : « Uốn cây từ thuở còn non, dạy con từ thuở con còn thơ ngây ».

## PHẢI DẠY LUÂN-LÝ NÀO ?

Nói cho đúng, luân-lý nào cũng căn cứ ở lẽ phải cả, nhưng cũng tùy phong thổ của một xứ, tùy văn-minh của một dân tộc mà biến đổi ít nhiều về mặt hình-thức.

Về phần người Việt-Nam, Xưa nay văn-minh, phong-tục vẫn chịu ảnh-hưởng của văn-hóa đạo Khổng, thì cái luân-lý nên dạy cho con nít phải lấy Khổng-giáo làm gốc vậy.

## PHƯƠNG - PHÁP DẠY LUÂN - LÝ CHO CON NÍT

Ta không thể không nhận rằng cái kết quả của sự dạy luân lý nơi trường ngày nay không được hoàn toàn mỹ-mãn. Chẳng phải các thầy không hết lòng chăm nom trẻ con về mặt ấy; mà chính tại nơi phương-pháp không phù hợp mà thôi. Lâu nay dạy luân-lý, người ta chú trọng ở *lý-trí* của con nít nhiều hơn ở tâm tình, cũ chỉ của chúng nó. Hễ đứa trẻ nào thuộc bài hay trả lời suông sẻ là đủ. Ngoài ra, người ta không để ý đến cái hành vi, cái sự thực-hành những điều luân lý mà chúng nó đã học. Thành thử đứa trẻ đi thi có thể làm bài luận về luân lý được, nhưng đến khi ra ở đời thì xa với đạo đức, cũng vì không có *tập rèn* đạo đức và cái đức tính cao-thượng không có thấm nhuần lòng dạ của nó.

Dạy luân lý cho trẻ con, thiết tưởng nên theo cái lối xưa là : *lấy người dạy người*, và luôn luôn đặt để đứa nhỏ trong một cái *không khí đạo đức*, khiến cho nó có những thói quen tốt.

Thiên-Hương Đãng trong sách Luận-ngữ tả rõ cử-chỉ của đức Khổng-Tử trong những khi ăn uống, nằm ngồi, không bao giờ là không cầu lấy sự ngay chánh, lịch đạo. Lúc vào chầu miếu đường, nói với vua, với quan, lời lời rất kính cẩn, đều gì cũng giữ cho hợp lẽ phép, để bày tỏ cái đạo của người quân-tử : lúc động, lúc tĩnh, lúc nào cũng có thể *làm gương* cho người ta bắt chước.

Ngày nay, nơi trường, những người lãnh phần giáo hóa con nít cũng phải luôn luôn tự coi là một *gương sống*, mà bao nhiêu con mắt của học trò đều chú vào đó. Như thế chẳng nên không dè dặt trong cử-chỉ của mình. Luôn luôn phải gây lòng *tôn kính* ở đứa trẻ, vì có kính mới có bắt chước. Người ta kính phục ai thì muốn bắt chước theo người ấy. Đó là một sự thật về tâm-lý học quan hệ vô cùng. Con nít không cần phải hiểu lẽ, chỉ cần bắt chước mà thôi. Phận sự của kẻ bề trên là phải nêu những gương tốt cho học trò theo.

Gương tốt của thầy cũng chưa đủ, phải phụ thêm bằng những *gương ở sách vở*, những chuyện anh hùng liệt nữ, những chuyện vui có ý vị, cho con nít để tiêm nhiễm lần lần. Các sách quốc văn có cái công dụng đó, không phải là không có. Thí dụ bộ sách « Cổ học tinh hoa » có thể kể vào loại sách ấy.

Đến như gây cho con nít một cái *không khí đạo đức* phải làm cách nào ?

Trước hết chẳng nên tưởng lầm rằng ngoài giờ riêng để dạy luân-lý, không cần nói đến luân-lý. Lúc nào, bất kỳ bài học nào, cũng có thể hàm luân lý ở trong được, bất luận là bài tập đọc (lecture) hay địa-dư, sử-ký, vân vân...

Kế đến không gì hay hơn là *lễ nghi*. Ngày xưa, giáo-hóa trẻ con, người ta rất trọng lễ. Lễ có cái công dụng là gây tình cảm rất hậu, nhân dưỡng tánh tình và làm cho sự hành-vi của người ta có chừng mực, không chênh lệch, không thái quá, mà cũng không bất cập, nhứt là tạo thành một thứ không khí lễ nghĩa, khiến người ta có cái *đạo đức tập quán* dễ làm điều lành, điều phải, mà vẫn tự nhiên không gượng. « Sự giáo-hóa của lễ rất cơ mầu, ngăn cấm điều bậy ngay lúc chưa thành hình ra, khiến người ta ngày ngày dần dần thiện, tránh xa tội lỗi, mà tự mình không biết. » (Nho giáo của Trần - Trọng - Kim, quyển I trang 231) Vì thế cho nên thành-thơn rất chuộng lễ, mà lễ là biểu diễn luân-lý.

Ngày nay tưởng *dạy lễ* là điều thiết thực và cần nhứt cho trẻ con, nhưng phải dùng *quốc-văn* mới có kết quả dễ dàng, vì con nít chưa có thể am hiểu nổi tiếng Pháp.

## LUÂN-LÝ Ở NHÀ

Đã bàn đến cái không khí đạo đức, tất nhiên phải nói qua sự dạy dỗ nơi gia-đình. Trẻ con rất hay bắt chước. Chúng nó là tấm gương phản chiếu những người sống chung quanh nó. Tục ngữ có câu : « Cha lành sanh con thảo ». Nên chi làm cha mẹ cần phải chú trọng cử chỉ của mình, khiến cho con trẻ luôn luôn thấy gương tốt trước mắt, và thấy rằng điều hay-lẽ phải học nơi trường không có mâu-thuẫn với việc làm của cha mẹ nó ở nhà. Con nít trở nên người hay, hay dở cũng ở trách-nhiệm của cha mẹ một phần lớn vậy. Thầy Mạnh-Tử trở nên một nhà đại hiền-triết biết bao chẳng nhờ từ mẫu của ông.

Lúc còn nhỏ, một hôm thấy nhà hàng xóm giết heo, thầy Mạnh-Tử về hỏi mẹ : « Người ta giết heo làm gì thế ? » Bà mẹ nói đùa : « Để cho con ăn đấy ». Nói xong, bà nghĩ lại, hối rằng : « Ta nói lỡ lời rồi ! Con ta thơ ấu, tri-thức chưa mở mang mà ta nói dối nó, thì chẳng ra ta dạy nó nói dối hay sao ? » Rồi bà đi mua thịt heo đem về cho con ăn thật. (Cổ học tinh hoa).

## KẾT LUẬN

Tóm lại, chắc ai cũng nhận rằng thời kỳ rất nên chú trọng vào sự giáo hóa, là thời kỳ thơ ấu, lại hột giống nên gieo vào tâm trí con nít Việt-Nam phải là luân-lý đạo Khổng. Và phương pháp giáo dục, muốn cho có hiệu quả nên dùng mấy điều nầy làm gốc :

1°) lấy người dạy người.

2°) phải cho đứa nhỏ sống trong cái không-khí đạo-đức, ở trường cũng như ở nhà.

3°) lấy lễ-nghi và quốc-văn làm phương tiện.

Mme LÊ-CHÍ-THIỆP

# GIÁ-TRỊ MỘT VỞ KỊCH

của HƯƠNG-TRÀ

LÚC vẫn hát ra đến ngoài, tất các bạn thế nào củng nghe lời bình-phẩm của những người mới vừa xem hát. Không ai đồng ý-kiến với ai cả. Biết thế, nhưng làm thế nào biết được một vở-kịch có giá-trị hay không ?

Trước những người lên sân-khấu, có người soạn kịch, hay nói thường hơn là người đặt tuồng. Tuồng có tuồng đồ và tuồng truyện. Tuồng truyện rút ở một đoạn nào hay trong lịch-sử, lấy những tên trong lịch-sử để bày bố ra một cốt chuyện khác hẳn hay sửa đổi đôi chút thôi. Lịch-sử phụng-sự cho tuồng-đồ như lịch-sử giúp cho A. Dumas sản xuất những tác-phẩm bất hủ. Thế là ở đây, lịch-sử là phần phụ, bày bố một câu chuyện hay ho gay cấn là điều chánh (1). Nhưng bây giờ, có rất nhiều tuồng Tàu phỏng theo chuyện kiếm hiệp, kết cấu bằng một sự bất ngờ hình như có thiên mạng ở trong, chớ không chuyển kết hợp theo tâm-lý và lẽ phải, thành ra khán-giả không được vừa lòng.

Nếu ta không làm hơn lịch-sử thì không nên tách ra ngoài lịch-sử.

Các bạn có xem hát thường, tất nhận thấy trong mấy tuồng của một ban, có nhiều « sen » giống nhau. Và từ ban nầy qua ban kia, cũng không khỏi có chỗ giống đo, và lấy làm lạ hơn nữa, là đến lời nói cũng giống nhau ! Tôi chỉ dẫn ra đây một tỉ-dụ mà chắc các bạn cũng có nhận xét ít nữa là một lần như thế rồi.

Hai đảng-phái hoặc hai chủ trại của hai sào-huyệt đánh nhau. Tướng của đảng A bị bắt nhốt ở đề lao đảng B. Con gái chủ đảng B lại đẹp lòng người bại trận, rồi là hiếu tình chọi nhau. Ở một chỗ khác, con gái và cháu gái chủ đảng B lại cùng yêu một người bại trận đó, rồi là bạn và tình xung đột nhau !

Đó là cái đáng trách của tuồng Tàu không có trong mấy đoàn ca-kịch lớn (tuồng mới). Hơn hẳn các tuồng Tàu, tuồng mới có giá-trị một văn phẩm sống, thiết-thực hơn nhiều. Xem tuồng mới ra về ít nữa ta cũng có một câu nào vấn đề chỉ-cái đặc-tánh của tuồng mình vừa xem. Còn ngược lại là tuồng Tàu, phần nhiều chỉ là những tình-tiết kế tiếp diễn ra rất hỗn loạn, không có một dây liên-lạc chặc chẽ nào nối liền nhau. Nếu lọc kỹ, ta có thể bỏ ra nhiều « sen » mà không hại cho cốt chuyện. (Thật không khác như khi chúng ta đọc truyện Tàu, cách vài trang là thấy nhái lại những câu : « Xin nhắc lại lúc . . . . . ».

Một vở tuồng hay cần phải có đào kép giỏi mới diễn đạt hết tư tưởng và lột hết cái tinh túy chứa chấp trong ấy. Bởi thế nên trình-độ học-thức cũng cần cho một kịch-sĩ.

Kịch-sĩ hoạt động trong một khuôn cảnh thường thường ai cũng cho là phụ, nhưng chính khuôn cảnh cũng là một vai kép, những một vai « kép câm » được nhìn ánh sáng do oc chế-biến công-phu của nhà giàn cảnh. Các bạn hãy tưởng tượng đào kép hoạt động trên một sàn khấu trống lổng, rồi thì các bạn biết khuôn cảnh dự một phần trong buổi diễn không phải là nhỏ.

Một vở tuồng hay do một nhóm nghệ-sĩ có tài-nghệ biểu diễn trong một khuôn cảnh đẹp là có giá-trị. Thiếu một trong ba yếu tố trên đây là hỏng tất cả. Một vở tuồng có giá-trị là công trình chung của người soạn kịch, nghệ sĩ và nhà giàn cảnh ; không ai được dành phần hơn và cái phần nầy, nếu có, chỉ tùy theo từng bực mà thôi (2).

Nếu có một nhà đại thi-hào đã tuyên-bố rằng làm được một câu thơ hay còn khó hơn thành-công trong cuộc chiến-thắng mà không cho là quá đáng, thì tôi, tôi cũng tuyên-bố rằng đem một vở ca-kịch lên sân-khấu một cách hoàn toàn còn khó hơn... Ai muốn luận cho rộng thêm, thì xin lấy đó làm một đầu đề.

Đi xem hát, đối với phần đông là để mua vui sau một ngày mệt nhọc. Nếu từ đầu màn đến cuối, họ không thỉnh-thoảng có dịp cười là tuồng ấy dở. Bởi thế nên căn-cứ giá-trị một vở-kịch vào những tràng pháo tay thật mỏng manh lắm. Cũng một màn, một lớp, một cữ-chỉ hay lời nói của một vai trên sân khấu nầy được hoan-nghênh mấy ngày trước, nay trên sân khấu khác, người ta cho là lạt lẽo. Tựu trung, muốn định giá một vở-kịch, chúng ta, ngoài ba cái yếu-tố đã nói trên, không nên căn cứ vào một thứ gì khác.

Nghệ-thuật sân-khấu ? là làm thế nào cho khán-giả tưởng mình đương xem kịch thật một tấn-kịch xảy ra hoặc trong gia-đình, hoặc ngoài xã hội (tuồng mới), hay cho ta sống lại mộ, quảng thời cổ với một sức gợi mạnh mẽ (tuồng Tàu). Nếu khán-giả thấy lòng mình rung động cùng một nhịp với người trên sân-khấu, là nghệ-thuật đã đến được chỗ thuần-túy. Nói thế tức là nói chỗ thuần-túy của nghệ-thuật diễn-kịch cũng cần phải có khán giả tinh-tường, hay nói một cách khác là kịch sĩ và khán-giả phải liên lạc mật thiết với nhau (3).

Để kết-luận, tôi thêm vào một câu ở đoạn trên : « Một vở tuồng hay do một nhóm kịch sĩ có tài nghệ biểu diễn trong một khuôn cảnh đẹp trước một khán-giả tinh tường là có giá trị ».

NGUYỄN HƯƠNG-TRÀ

(1) L'histoire est un clou auquel j'accroche mes chefs-d'œuvre. A. Dumas père.

(2) Les collaborateurs, écrivain, interprète, décorateur, travaillent sur un pied d'égalité, dans la mesure où leur métier respectif peut servir l'œuvre commune. Aucun ne s'arroge la première place ; chacun le prend tour à tour au moment où l'expression cherchée réclame l'instrument dont il dispose.

(Vie de l'art théâtral de Baty et Chavance, page 194).

(3) L'art dramatique proclame la nécessité d'une ultime union, d'une collaboration étroite entre l'acteur et le spectateur qui cherche une exaltation, un oubli de soi-même qui, d'instinct, s'identifie avec les personnages et se mêle à l'action.

(Reinhardt cité par Baty et Chavance).



## NHỚ QUÊ

(Tiếp theo trang 9)

Nó gom bầy dê lại đó lùa về. Nó tưởng đến hai con trâu của thằng Nhịn. Nó muốn khóc lên, nhưng một chuyến xe lửa vào ga hết lên như dọa-nạt, nó vội chận bầy dê lại. Nó nhìn những cái bành xe sắt nghiến trên đường rầy, nó tưởng đến những người bị xe lửa cán rồi nó lắc đầu nói thầm :

— Phải chi đừng có xe lửa...!

Nó lại nhớ lời thầy giáo nói :

— Các em ơi ! đừng bám đến những nơi đô-thành rộn rịp. Các em hãy thương nơi quê cha đất tổ. Các em sẽ là những thanh niên cày đất cấy lúa để lấy gạo nuôi người. Cần gì đi xa mới biết được cái đẹp ! Trong xó làng của các em cũng có biết bao nhiêu cái đẹp mà các em chưa thấy được...

Một làn gió lạnh thổi vào mặt thằng Quan. Nó biết mùa Thu ở làng nó lúa nở tốt lắm. Nhưng ở đây... Nó quay nhìn con đường Boudonnet mập mờ dưới ánh đèn thưa thớt và hối hận trong tiếng thổn thức :

— Mẹ ơi ! con sẽ về...

NGỌC-THẠCH

*Một quyển sách khảo-cứu nên xem :*

« Tôn-Thọ-Tường »

(1825-1877)

một chí-sĩ trứ-danh ở Nam-kỳ

SƯƠNG-NGUYỆT BIÊN-SOẠN

do

« ỦY-BAN PHAN-THANH-GIẢN »

của hội

« Nam-kỳ Trí-Đức Thể-Dục »

xuất bản

và

Nhà sách Nguyễn-Khánh-Đàm

12, đường Sabourain, Saigon.

*PHÁT HÀNH*

*Một quyển tiểu-thuyết mà mỗi gia-đình cần phải có*

CỰU KINH

của

HỒ BIỂU-CHÁNH

# CHUYỆN LẠ XỨ LÀO

của KHUÔNG-VIỆT

## GIỚI THIỆU XỨ LÀO

TRƯỚC khi thuật một vài chuyện lạ ở xứ Lào, chúng tôi tưởng cũng nên sơ-lược giới thiệu xứ ấy với bạn đọc để được ít nhiều thêm phần hiểu biết.

Ai-lao hay là Lào là một nước lòng-chảo của nước ta, ở về phía Tây, giáp giới cùng Bắc và Trung-kỳ và nằm trên khoảng đất giữa sông Cửu-long với giải Trường-sơn.

Hiện nay có hai đường bộ đi qua Lào : Một đường từ Vinh đi Thakhek và một đường từ Đông-hà đi Savannakhet.

Đường thủy thì có sông Cửu-long, nhưng trong 1.300 cây số của bề dài con sông ấy chảy trong đất Lào, chỉ có 600 cây số là có thể cho ghe, tàu đi được ; ngoài ra toàn là gành và thác, nguy hiểm khó đi.

Diện tích nước Lào được 214.000 cây số vuông (kilomètres carrés).

Trước kia người Lào sống dưới quyền cai trị của người Cao-miên. Về thế-kỷ XII, địa-phận xứ Lào chỉ rộng tới đất Viêng-chăn (Vientiane). Qua thế kỷ XIII các vị vương hầu Lào thuộc dòng Sukhothai giải-thoát ách các vua Cao-miên ở Đế thiên (Angkor) ; phế vị vua Lào đang trị vì và mở mang bờ cõi tới sông Cửu - long (Mékong).

Giữa thế kỷ XIV, vị vua độc lập đầu tiên của Ai-lao là Pha-Ngum, phò mã của Miên-hoàng gây dựng xứ Vạn tượng (Louang-Prabang) và mộ các thầy tu người Cao-Miên về truyền bá đạo Phật.

Qua thế kỷ XV, nước Lào chịu khuất-phục vua Việt-Nam. Về việc này sử ta chép rằng : trong khi khởi nghĩa, vua Lê-Lợi vẫn lo thân thiện với Ai-lao để phòng cơn hữu dụng. Lúc ngài đóng binh ở Lam-Sơn, vua Lào có sai quân sang giúp. Về sau, nhơn có nghịch-thần là Lò-văn-Luật trốn sang xuôi-giục vua Lào nên người Lào trở lại giúp quân Minh, đánh cùng quân Nam-Việt. Bởi thế khi đuổi xong giặc Minh vua Lê-Lợi sang chinh-phạt Ai-lao và chiếm đất Trấn-Ninh.

Đến thế-kỷ XVI, cùng chung một số phận với các vương-hầu giống Thái ở phía Tây, nước Lào bị quân Miến-Điện sang chiếm và dời đô về Viêng-Chăn (Vientiane)

Thế-kỷ XVIII, vì có nội biến nên nước Lào bị chia làm hai xứ Vạn-tượng (Louang Prabang) và Viêng-chăn (Vientiane). Lúc bấy giờ quyền-lợi của hai nước Việt-Nam và Xiêm - la chống chọi nhau tại đất Lào. Năm 1827 người Xiêm sang đốt phá kinh thành Viêng-chăn và từ đó nước Xiêm nắm trọn quyền bá-chủ ở Lào cho tới ngày người Pháp sang.

Trong một cuộc thám-hiểm, ông Doudart de Lagrée đã mở đường đi Lào cho ông Auguste Pavie thực hiện việc bảo hộ nước ấy (1893).

Nước Pháp bảo hộ xứ Lào đã gây sự bất bình với Xiêm-quốc ; nhưng khi thấy tàu chiến của Pháp sang tận thành Vong-các (Bangkok), vua Xiêm liền nhượng bỏ.

Từ đó việc khai-hóa Ai-lao thuộc trọn quyền người Pháp.

Về mặt văn-hóa, vì địa-thế đặt xứ Lào ở giữa bốn nước Việt-Nam, Cao - miên, Xiêm-la và Miến-điện, nên có một lúc hai nền văn-minh Ấn-độ và Trung-hoa gặp nhau ở đất Lào và lấy đó làm trường thí-nghiệm.

Lần lần cái văn-minh Ấn-độ lấn áp được cái văn-minh Trung hoa, nhờ việc thông - thương tiện lợi với ba nước Miến-điện, Xiêm-la và Cao-miên ở ba mặt đã thấm nhuần cái văn-minh từ Thiên-trúc tràn sang.

Trái lại, cái văn minh Trung-hoa chỉ có một con đường Việt-Nam để sang Lào. Con đường độc nhứt ấy còn bị giải Trường-sơn hiểm trở ngăn rào đón ngõ.

Tại Viêng-Chăn và dài theo



sông Cửu-long, người Lào chịu ảnh hưởng của người Cao-miên và người Xiêm nhiều nên đời sống của họ không khác đời sống của hai dân tộc kia là mấy.

Ở Louang - Prabang, ảnh hưởng của người Miến - Điện trong dân chúng Lào hiện ra rõ rệt hơn ở các nơi khác.

Tóm lại, ta có thể nói rằng hai cái văn hóa Ấn-độ và Trung hoa gặp nhau ở bán đảo Đông dương, không dung - hòa với nhau được, nên chia địa phận để chi phối. Đối với nước Việt-Nam tràn ngập văn hóa Trung hoa, nước Lào là tiền tuyến của văn hóa Ấn-độ.

Dân số nước Lào độ 900.000 người. Nhưng ròng người Lào thuộc giống Thái, thì chỉ độ 600.000 người. Người Lào ở rải rác trên tả ngạn sông Cửu-long từ biên giới tỉnh Vân-Nam của nước Tàu đến biên giới phía bắc của nước Cao-miên.

Về phong tục và tôn giáo, người Lào không khác xa người Cao - miên. Cách ăn mặc của hai dân tộc ấy có phần giống nhau. Họ đều vấn chân, gọi là sampot và mặc áo cụt tay. Họ ở nhà sàn làm bằng cây, lợp lá hoặc ngói tùy theo nghèo giàu. Từng dưới đất để nuôi súc vật. Từng trên vừa là chỗ ở, nhà bếp, và kho chứa lúa gạo. Trong nhà rất đơn sơ, ít khi có bàn ghế, chỉ có vài chiếc chiếu trải trên sàn nhà để làm nơi nằm ngồi.

Người Lào chuyên nghề cày cấy, đánh cá, săn thú, dệt tơ lụa và nuôi trâu bò. Tánh tình vui vẻ, họ không ham hoạt động, thích yên tĩnh, nên thành ra biếng nhác. Thường công việc trong nhà đều phú thác cả cho người đàn bà.

Người Lào giữ ròng đạo Phật. Mỗi làng đều có chùa riêng. Tại kinh đô Louang-Prabang có hơn hai trăm kiểu chùa. Chùa Phật của người Lào cũng dùng làm nơi dạy học như các chùa ở Cao-miên. Những ông thầy tu mà ta gọi là ông sãi, lớn nhỏ gì đều mặc một thứ áo ca-sa màu vàng. Thầy tu Lào cũng như thầy tu Cao-miên, chỉ sống nhờ của thập phương. Mỗi bữa sáng họ mang bình-bát đến từng nhà quyên-giáo.

Người Lào cũng như người Xiêm và người Miên có tục cho con trai đến chùa học tập làm thầy sãi trong một thời gian dặng đem về cho gia-quyến sự tôn trọng của thường dân. Những ngày lễ Phật, người Lào chỉ cúng bông, đèn sáp và trầm hương.

Người Lào có tục thiêu xác người chết, lấy tro để vào những cái tháp nhỏ xây gần chùa.

Tóm lại dân Lào hoàn toàn chịu ảnh hưởng của văn minh Ấn-độ, nên từ tôn giáo, phong tục, ngôn ngữ, đến sự sống hằng ngày của họ không khác xa người Miên. Bởi thế sánh với dân Việt-Nam họ có phần thua kém.

Đã vậy người Lào còn lười biếng, cẩu-thả, ít chịu mệt sức và nhọc trí lo nghĩ xa-xôi, nên trong công ăn việc làm họ phải chịu thiệt thòi nhiều, vì không đủ sức cạnh-tranh với người Việt-Nam sang xứ họ lập nghiệp.

Người Việt-Nam ta sang Lào chiếm gần hết các nguồn lợi trong xứ. Các viên-chức trong công sở, những nhà buôn bán lớn, những ông chủ đồn-điền lớn phần nhiều đều là người Việt-Nam ta cả. Vì quyền-lợi xung đột, nên giữa người Việt Nam và người Lào ít có cảm-tình, tuy không đến nỗi thù ghét nhau.

Có đến kinh-đô Vientiane mới thấy rõ cái địa-vị và cái thế-lực của người Việt-Nam ở Lào. Số người mình ở tại đó có bảy, tám ngàn, đủ cả Trung, Nam, Bắc và chuyên đủ nghề. Thoạt tiên người lạ có thể lầm tưởng thành phố Vientiane là một thành-phố Việt - Nam, vì nhà cửa san-sát toàn là của người Việt cả. Người Lào thì lẩn tránh ra thôn xóm xa thành-thị.

Ít lâu nay lại có một cơ-quan ngôn luận bằng chữ quốc-ngữ lấy tên là « Tin Lào » ấn hành tại Vientiane, do một nhóm thanh-niên trí thức Việt-Nam chủ trương và không ngoài mục-đích binh vực quyền lợi của người mình sang Lào sanh cơ lập nghiệp.

Xem đó ta cũng đủ thấy cái sức bành trướng của dân tộc Việt - Nam. Cái sức mạnh ấy trước kia đã tiêu diệt Chiêm-thành, thôn tính Thủy-chân-lạp (nay là Nam-kỳ), bảo hộ Cao-miên, hống hách cùng Xiêm-quốc. Riêng có nước Lào được toàn vẹn trước cái sức mạnh thiêng liêng huyền bí ấy, phần chẳng nhờ địa thế che chở, do giải Trường-sơn liên tiếp rặng rạp làm bức thành thiên nhiên kiên cố, hay vì thổ sản của xứ Lào không được dồi dào, đất đai không được phì nhiêu, nên Vua Chúa Việt Nam không quan tâm đến, hay vì một duyên cớ nào khác mà ngày nay lịch sử chưa nói tới.

KHUÔNG-VIỆT

*Chuyện ngắn*

# QUA

MỘT đêm về cuối Thu buồn bã. Trên bầu trời từng lớp mây đen kịch kéo nhau chạy. Thỉnh thoảng, lại để lộ ra mảnh trăng lưỡi-liềm rọi xuống cảnh vật một màu ảm đạm, lạnh lùng, u-ám.

Đêm đã khuya rồi mà tôi còn mải lang thang trên đường vắng một mình đi thơ-thẩn chán buồn, buồn vì sự-nghiệp công-danh chưa đạt thành, mà buồn vì thân-thế nổi-trôi cũng có.

Thình lình, bên bờ sông, trên một chiếc thuyền con, có giọng đờn tranh cất rao lên, kế tiếp theo tiếng ca của một người con gái, trong trẻo, lảnh-lót làm vỡ tan cảnh im lặng của đêm trường. Tôi bươn-bả lại mé sông kiếm chỗ ngồi nghe.

Ý-tứ bài ca của người con gái nầy diễn tả đời một nghệ-sĩ nghèo nàn, cùng với chiếc đờn cũ kỹ trải thân lưu-lạc giang-hồ.

Trước kia, người nghệ-sĩ còn là một chàng thanh niên đầy nghị-lực phấn đấu, mạnh dạn bước lên đường đời với những bị-vọng tràn trề rủ, mặc dầu người ở trong cảnh ngộ khốn-cùng.

Những éo le, bước đường đầu tiên của người nghệ sĩ phải chán-nản, phải thất vọng vì một tình yêu phụ bạc.

Người nghệ-sĩ ấy gặp nàng trong một đêm trác-táng, và cùng kết nhau một mối tình đầy ân-ái, đầm ấm, sống trong một căn nhà lá xiêu-xẹo, sắp điêu tàn.

Nghèo nàn, người nghệ-sĩ đã từng nghèo nàn lắm rồi ; nhưng nàng, nàng sống trong cảnh nghèo-nàn vất-vả không quen.

Thế nên một hôm, nàng đành dứt áo ra đi, để lại cho chàng những nỗi đau buồn ân hận.

Bây giờ, trên đường đời của người nghệ-sĩ còn là một con số không : không nhà cửa, không quê-hương, không tình-yêu, không tiền bạc, không... không tất cả. Ôm chiếc đờn cũ kỹ, trải thân với nắng, mưa, sương, gió, chàng nghệ sĩ giang hồ dãy dụa linh đinh.

∴

Dứt bài đờn, tôi liền đứng lên kêu người con gái xin cho phép xuống thuyền hỏa chơi ít bài giải muộn, vì chính tôi cũng là một tài-tử đờn điệu, cũng sở trường về môn đờn ca.

Nghe tôi ngỏ lời, một người đàn ông ở sau lái vội vàng chống thuyền cho cập vào bờ. Tôi xuống thuyền, xem ra người chống thuyền là một người đàn ông đã có tuổi tác, còn người con gái vừa ca vừa đờn thì tuổi lối mười ba mười bốn.

Hỏi thăm quê quán, mới hay ông lão người ở Long-hồ, còn cái tài đờn ca của em Mừng, con ông, mà có được, là do nơi ông truyền dạy, vì ông cũng là một tay chơi đờn có tiếng từ xưa. Tài tình hơn nữa, bài « Nghệ-sĩ nghèo nàn » cũng tự tay ông thảo ra lúc xuân xanh, sau ngày phụ bạc của một tình yêu.

Dưới ngọn đèn con leo ét, ngắm mấy ngón tay dịu dàng, lả lướt, bay nhảy trên sợi dây đồng, mà tôi liên nghĩ đến đời của em Mừng sau nầy, biết đâu em sẽ trở nên một ca-kỹ hoàn toàn. Tôi giựt mình, hảo huyền thương người con gái ngày thơ sắp phải lạc vào đường lối chúng tôi : hư hỏng, vất vả, quanh năm không giúp ích được gì cho xã-hội, chỉ những cuộc dạ yến linh đình, những cuộc vui lưu liên có tổ-chức đờn ca thì người ta mới nhớ đến chúng tôi khảy chơi mấy bài ; rồi thì đời vẫn bỏ quên chúng tôi vào một xó. Đời của nghệ sĩ nghèo nàn như thế cho đến chết mất, sau khi đã lết một đời sống lạnh lạt hơ hờ.

Đêm đó, cùng em Mừng đờn ca đến sáng tôi mới từ giã em và ông lão mà dung-rũi trên đường xa-xăm, vô định.



# Y VỀ...

cũa NG.-TÀ-CHƠN

∴

Mười năm về sau...

Khi đã mỏi gót phong-trần, tình cờ tôi được gặp lại em Mừng ở một tỉnh lỵ về miền Hậu-giang.

Em Mừng bây giờ không còn là em bé thơ-ngây của tôi ngày trước, mà em đã nghiễm-nhiên thành một cô ca-kỹ hoàn-toàn, như tôi dự đoán năm xưa.

Thay cho chiếc áo màu nâu đã vì mấy lần mưa sa nắng tạp, bây giờ đang hoàng đồng vào mình em bộ canh tân-thời lượt-phượt và mớ tóc dài để kẹp, nay em cũng cắt ngắn và uốn quăn lên.

Hỏi han về thân thế cảnh đời, em Mừng thiết-tha kể lại tôi nghe những nỗi đoạn-trường của em, trong khoảng mười năm lưu lạc.

Nào từ khi chia tay nhau ở bến Ô giang, tôi thì giang-hồ lẳng-bạt khắp nơi, còn em thì theo bên cha, ngày tháng sanh nhai với nghề làm thuốc dạo.

Nhưng sau đó không lâu, cha em nhuốm bịnh nặng phải từ trần, bỏ lại một mình em bơ-vơ giữa cõi đời, với cái đói-nghèo, cô độc nơi quê người, xứ lạ.

An táng xong, em phải kiếm người đánh giá bán chiếc thuyền, để em làm lộ-phí mà về quê-hương.

Về đến nơi, bà con, thân-thích, tuy còn nhiều, song họ đều ngảnh mặt, họ nhìn nàng bằng cặp mắt khinh thường.

Đau lòng em phải giờ bước, không muốn làm la nơi chỗ cắt rún chôn nhau.

Cho đến nay, lẻ sống bắt em phải dày dạn gió mưa, vì bát cơm mà phải bán mắt bán rẻ giữa chợ đời. Những kỷ-niệm êm đềm buổi ngày thơ có còn đâu, hình-ảnh ông lão ở sông Ô, bây giờ cũng mờ lần trong cõi nào.

Đến nay, hải-đường đã mấy lần đơm bông rồi tàn rụi, chiếc đờn tranh cũng đã theo năm tháng ngày giờ mà cũ kỹ đi rồi. Thế mà, khúc Nam-ai sầu thảm khảy chưa xong ; thú bần tiện đêm bàn hoài mà cũng không hết thú.

Nghe em Mừng kể lại đời em mà tôi cảm-động ! Thương người đồng bịnh đồng thuyền.

Chẳng hay cố ý hay vô tình mà chúng tôi tự đưa mình vào cuộc đời hư hỏ, không chịu nhìn lẽ thực tế mà ở đời.

Nếu khi bước vào đường đời, chúng tôi làm việc, chịu khó làm việc, không vì những chi-hướng ngông-cuồng mà đeo đuổi theo cảnh đời mơ mộng thì phải đâu những bài học chua-chát, đau-đớn như vầy.

Muộn-màng rồi ! Giờ thì chúng tôi mới ăn-năn, tính mau chơn quay về lẻ phải, kẻo ngày xuân đi mất còn gì.

Hai tâm-hồn đau khổ hiểu nhau nên hòa ít bài đờn rồi tôi cùng em Mừng kết làm đôi vợ chồng, để lợi ích cho những ngày còn sót lại,

Một tấp lều con tum-hủm mà vén-khéo liền dựng lên trên mô đất cao ở cuối làng : vách đất, mái tranh, mà tôi và em Mừng được hân-hạnh làm chủ, và có chỗ ẩn núp lánh xa thói hoang-đàng mơ-mộng.

Lúa, gạo cùng đồ khí cụ về nghề nông cũng sắp đặt sẵn sàng, chỉ chờ trời sa mưa thì chúng tôi bắt tay sấn vào chốn « *Cần-Lao* » với thiên hạ.

*(Viết tại Giồng-riềng mùa Thu, năm 1942.)*

TÀ-CHƠN

# VẤN-ĐỀ TỰ-HỌC

Ở xứ mình, số người lỡ vận thất-thời về đường học-vấn, thiệt không biết bao nhiêu mà kể. Có người vì gia thế suy vi mà phải đành bỏ dở việc học-hành. Có người vì bịnh-hoạn nửa chừng mà không thể đeo đuổi nữa được. Lại cũng có một số đông vì tiền xỉ quá hạn nên không được vào nhà trường nữa.

Sự học dở dang nửa chừng ấy, nếu cứ để như vậy mà không lo bồi-bổ thêm lên, thì lâu ngày tất nhiên phải lạn-bại, lu-lờ. Còn nếu ta chịu khó chuyên-cần tự-học, để mở-mang phát-huy thêm cái sở-tri sở-thức của mình đã có sẵn, thì cái kết-quả sẽ có ảnh-hưởng cho tương-lai ta không phải là nhỏ.

Muốn tự-học, thật không có gì là khó hết. Ta chỉ cần cho có chí là đủ. Và khi ta đã lập chí tự-học, thì cần nhứt là phải biết tổ-chức thì-giờ, xếp-đặt việc làm cho có phương-pháp, hẳn-hòi.

Tôi xin đơn-cử ra đây một cái phương-pháp giản-tiện, để cho ai muốn tự học, cứ coi theo đó mà làm việc. Phương pháp nầy những người hiếu-học đã có biết rồi hết, và cũng đã có dùng tới luôn.

## HỌC CHỮ

Bắt đầu, mỗi ngày ta hãy học lấy một vài chữ thôi, và trước hết phải khởi sự học những chữ rất dễ, hay hoặc những chữ nào đã có dịp học sơ qua rồi mà chưa được thấu nghĩa. Học từng chữ một, mà mỗi ngày chỉ học có một vài chữ, thì ta có rất nhiều thì giờ để học tập cho thuần-thục, nghiên-cứu cho tinh tường, và định-nghĩa cho phân minh.

Ta cứ lần-lượt học như vậy mỗi ngày, đừng gián đoạn mà cũng đừng thôi chí ngã lòng.

Sau một thời gian chừng một năm, ta mới tổng hợp lại hết những chữ đã học, đã biết, rồi chia ra từng loại, biên vào từng chương, chữ dầu nghĩa đó, cho có thứ lớp hẳn hòi. Những chữ nào có thể dùng để viết chuyện luân-lý, đạo đức, hay giáo dục, thì biên chung một loại chữ ấy vào một chương riêng. Những chữ nào sẽ dùng viết chuyện thương mãi, kỹ nghệ hay khoa học, thì cũng phải ghi chung vào một chương khác. Nói tóm lại một điều là không khác nào ta làm ra một quyển tự-điển nho nhỏ, để dùng riêng cho mình, mỗi khi có dịp dùng đến.

## ĐỌC SÁCH

Trong khi học như vậy, ta lại phải xếp đặt công việc làm sao cho mỗi ngày được dư ra một vài giờ để đọc sách. Vì đọc sách cũng là một điều kiện tối cần cho việc tự học, mà cũng là một công việc quan hệ và khó nhứt. Bởi vậy cho nên trước hết ta phải thảo ra một chương trình cho có lệ luật nghiêm khắc, có qui cũ rành rẻ, hẳn hòi, để noi theo đó mà làm việc cho có phương pháp.

Trước hết ta phải biết ta ưa thích những loại sách nào đã. Vì không phải sách nào cũng có thể đọc hết được. Trong việc lựa chọn sách vở để đọc, ta lại cần phải nhờ đến một vài người có học lực cao, có kiến văn rộng, để chỉ-bảo, dìu dắc cho mới được.

Khi lựa được quyển-sách trúng với sở hiếu của mình rồi, thì hãy đọc sơ qua một hận từ đầu chí cuối, cho biết đại lược câu chuyện trong sách ra sao rồi xếp sách để đó. Đợi tới vài ba hôm sau, mới lấy ra đọc lại chừng một hai trương thôi. Và cứ như thế mà đọc tới hoài.

Điều cần nhứt, là không nên đọc nhiều quá. Chỉ đọc rất ít, để tìm hiểu những chỗ bí hiểm của câu văn, thấu đoạt cho hết những cái kì-khu khúc-chiết của lời văn, và lý hội cho thấu đáo những cái tinh vi tế-nhị của tư-tưởng.

Luôn luôn phải có sẵn cây viết trong tay, để ghi chép những đoạn văn nào hay, những tư tưởng nào đẹp và những tình cảm êm đềm thú vị mà nếu không nhờ có đọc sách thì ta không thể biết được.



## VIẾT VĂN

Lúc bấy giờ ta đã có đủ tài liệu, khí cụ để tập viết văn. Vậy ta hãy khởi sự viết thử những câu vẩn vẩn.

Viết văn, thiệt là cả một cái nghệ-thuật. Kỳ giả xin thú thật rằng học luật kém cỏi, không thể diễn giải cho tường tận thấu đáo được.

Người viết văn không khác nào một nhà điêu khắc; nặn một vốn nắn một câu văn cũng như nhà điêu khắc đem hết tâm trí để tượng cho nên hình bức chạm.

Muốn cấu-tạo một câu văn cho nên hình, điều cần nhứt là phải biết dung nạp những chữ có ý-nghĩa sáng suốt, để cho lời văn được giản-dị rõ ràng. Phải để hết tâm hồn và tình cảm của mình vào câu văn cho nó được thâm-trầm ý-vị, lưu loát uyển-chuyển, và lại còn phải truyền sang cả cái sanh khí của mình cho câu văn được linh động, cho người ta đọc tới văn mà biết được cả tâm hồn và tình cảm của mình.

Lẽ cố nhiên, lúc ban đầu làm sao cũng không được hoàn toàn thỏa đáng, vì những cái sơ sót, lầm lỗi vụn-vặt rất tự nhiên, không thể nào tránh khỏi. Nhưng mà ta không nên vì thế mà ngã lòng. Phải kiên tâm bền chí chuyên-cần luyện tập luôn. Lần hồi ta sẽ thấy kiến-văn ngày càng mở rộng, tri-thức ngày càng khai thông, học-vấn được có cơ-sở vững vàng, có qui-cử chắc chắn.

∴

Trên đời không có cái hạnh phúc nào thanh cao trong sạch cho bằng cái hạnh phúc của sự làm việc đem lại cho mình. Người hạm làm việc, một khi đã gắng bó với việc làm, đã trao hết tâm-hồn và tình cảm của mình cho nó rồi, thì đến khi nghỉ việc, có cái cảm giác buồn; như đời sống của mình cũng ngưng trệ, không còn thấy có sanh thú gì ở đời nữa. Huống chi sự học tập nếu ta biết khẩn khích gắng bó với nó, thì nó sẽ đem lại cho ta những cái cảm giác phi-thường, và những tình cảm êm đẹp.

Ta lại còn nhờ học tập mà được thưởng thức cái phong vị thuần khiết của văn chương, tư-tưởng; trí óc ta được sáng suốt, học thức mở mang, tinh thần phấn khởi. Và ta nhờ có học thức mà ta đua tranh theo kịp thời thế, để tìm cách tô điểm cho đời sống ngày thêm vẻ vang tốt đẹp hơn.

Nhà học giả cũng như nhà thám hiểm, lúc nào cũng sống trong cõi đời mới lạ. Nghiên-ngẫm khó nhọc để kiếm tìm cho được vật gì người đời chưa thấy, chuyện gì người đời chưa thông, để phát huy những cái kì-xảo thần tình của vũ trụ, để lưu lại cho bầu thế cái công nghiệp có lợi ích chung cho loài người.

Nhà học giả thường siêu việt ra ngoài thế tục để sống một đời sống thần-tiên mơ-mộng. Khi thì vượt ra ngoài biển khơi để cho thần trí buông lung trong không gian, vũ trụ, lúc lại treo đứng trên non cao để thâu phục tất cả cảnh trí thiên-nhiên của tạo vật mà cho vào tấm hồn tình cảm. Cái bản ngã của họ thiên hình vạn trạng, biến hóa vô cùng. Họ là hạng giang hồ lãng khách, mà cũng là bực đài các phong lưu. Khi thì giản dị tâm thường như người thế nhân, mà lắm lúc cũng phiền phức khó khăn như hạng thai thượng.

Đời sống của nhà học-giả thật nó phong-phú vô cùng.

Ở đời bất cứ công việc gì cũng có giới-hạn mà sự học-tập thì không biết giới-hạn là đâu. Cái biển học mênh mông, dầu phải tới mấy kiếp cũng không sao học hết được.

**TRỌNG-LIÊM**

**ĐẠI-VIỆT** là một tập-chí có thể tăng-bổ tri-thức, dưỡng tinh-thần các bạn;

«Ái-tình Miếu» tiểu-thuyết của Hồ Biểu-Chánh đã bắt đầu đăng trong Đ.V.T.C. số 1.

**NAM-KỲ** là một tuần-báo thời-thường đem đến cho gia-đình các bạn một cuộc tiêu-khiển thanh-nhã và thú-vị. Các bạn hãy đọc và cổ-động cho nó.

# LỜI BỐ CÁO VỀ BỊNH DỊCH HẠCH

Một nguồn bịnh dịch-hạch mới phát ra ở Saigon.

Nhưng phương pháp phòng ngừa đã lập tức đem ra thi hành nên từ khi có một lượt bốn nạn nhơn tới nay, không có vụ nào khác xảy ra nữa.

Ta có thể dự đoán nguồn bịnh ấy đã dứt rồi.

Nhưng, tưởng cần nên nhắc lại, bịnh dịch là một bịnh chung cho chuột và người. Chuột là nguồn chứa chất để lây bịnh, còn người lại thuộc quyền sở hữu của nguồn ấy; bởi thế nếu không có chuột, ta có thể nói rằng không có bịnh dịch hạch. Chính mấy con rận của thứ vật cạp khoét ấy, sau khi con vật vì bịnh dịch mà chết rồi, lìa bỏ xác chết mà chích vào người để truyền bịnh.

Nhưng phương-pháp phòng-hộ đều do lẽ ấy mà ra, và ta rất hữu công mà đem ra thi-hành luôn luôn.

*1.— Chống với chuột.*— Chuột rất đông đúc ở nơi nào mà có đủ thực vật cho nó ăn, trong nhà, xung-quanh nhà, không nên để hở đồ ăn; phải dùng tủ đựng lại (garde manger); không nên làm vựa lúa tại nhà, thùng đựng rất rến cần đậy lại, ngăn mấy mạch mương và cống lại bằng lưới sắt dày, nhét miệng hang chuột lại bằng miếng chai hay là sỏi lớn.

Trong các kho chứa đồ mà không có lưới ngừa chuột và vì đồ mà không thể vựa đồ khỏi chúng nó, thì phải đặt rập hay nuôi cho mèo để bắt chuột.

*II.— Chống với rận chuột.*

Sau khi lìa bỏ chuột, và trước khi bám vào con vật cạp khoét khác hay vào người, rận ấy lần quần theo bụi bậm hay trấu nát bay trong nhà dơ dáy, không hay quét tước, rửa rày.

*Bịnh dịch tránh những nhà có giữ niêm-luật của sự sạch-sẽ.*

Muốn hỏi thăm điều chi khác về phương pháp ngừa bịnh dịch, xin do nơi sở Vệ-sanh Địa-Phương.

(Địa Phương Saigon-Cholon)

# THƠ TÍN

Trả lời cho :

Ông Ngô-đơn-Quế.— Rất cảm ơn ông về cảm tưởng của ông đối với tiểu thuyết « Cư Kĩnh ». Vã tác-giả là Chủ-nhiệm N. K. T. B. nên vì chữ liêm-sĩ chúng tôi không thể đăng bài của ông lên báo được.

Ông Huỳnh-ngọc-Lễ.— Chúng tôi có được bài « *Cảm tưởng khi đọc bài : Một sự đáng buồn về học-sanh* » ; kỳ nầy hết chỗ, kỳ tới chúng tôi sẽ đăng.

# Tin cần kíp

Vì lúc nầy trời mưa thường quá, nên cuộc hội-hiệp thanh-niên ngày 29 Octobre phải dời qua một người khác.

# Avis d'Adjudication

Lieu, date et heure de l'adjudication : Salle des Adjudications des bureaux du Gouvernement le 13 Novembre 1942 à 9 heures du matin.

OBJET. — Fourniture de viande, poissons et denrées diverses nécessaires à la nourriture des animaux du Jardin Botanique et Zoologique pendant l'annéee 1943.

Importance. . . . . 21.000p.00

Cautionnements (Provisoire 500p.00 / Définitif. . 10.000fr00)

Bureau où le cahier des charges peut être consulté :

2ème Bureau (3ème Section) du Gouvernement de la Cochinchine.

Les demandes d'autorisation à concourir devront parvenir au 2ème Bureau (3ème Section) du Gouvernement avant le 8 Novembre 1942.

**NOTA.**— Le marché à passer sera dispensé des droits de timbre et d'enregistrement (arrêté du 5 Janvier 1940.)

Saigon, le 23 Octobre 1942

Le Chef du 2ème Bureau

Signé : J. CHEVALIER

## CHIẾN CUỘC ÂU TÂY

NGA ĐỨC.— Tại *Stalingrad*, sau khi đã làm chủ nhà máy « Djerzinski », quân Đức xâm chiếm nhà máy « Barricade Rouge ». Quân Nga lui về giữ nhà máy « Octobre Rouge », là nhà máy chót còn ở trong tay họ.

Tại những mặt trận khác, không có gì lạ, thời tiết xấu, làm khó khăn những cuộc hành binh.

ANH-MỸ-Ý-ĐỨC.— Hôm 22-10, không-quân Anh thả bom xuống những thành phố Ý, Gênes và Turin. Nhưng tin đó không đáng để ý bằng tin quân đội Mỹ đổ bộ ở *Libéria*, một nước nhỏ của người da đen, ở Tây-Phi. Người ta nói rằng những quân đội ấy chỉ dùng để chiếm những điểm dụng-binh (points stratégiques) rất hệ trọng.

Giữa lúc Nga kêu đòi lập mặt trận thứ hai Thống chế Smuts (Thủ-tướng Nam-Phi) tuyên bố trước nghị-viện Anh rằng ngày giờ đại tấn công đã gần đến. Có tin rằng không chừng Anh Mỹ sẽ mở cuộc tấn-công ở *Lybie*, dựa bờ Địa trung hải.

Nhưng nhiều người tự hỏi không biết vậy chớ Anh Mỹ đã sẵn sàng chưa. Người ta để ý đến lời tuyên bố sau đây của Tổng thống Roosevelt : Trong năm 1942, số chiến xa và máy bay sản xuất sẽ dưới số đã dự định (riêng về chiến xa, dưới 45%).

## CHIẾN-CUỘC Á-ĐÔNG

Ở Á-đông, có tin đồn rằng Đồng minh có thể đang sửa soạn tấn-công Miến-điện. Vừa rồi, đại-tướng Wawell có đi tuần-tra ở Ấn-độ; hai đại-tướng Auchinleck và Stilwell đã qua tới New Delhi (thủ đô Ấn-độ).

Nhưng chưa chi, ở Trùng-khánh, trong một hội-nghị quân-sự bất thường, chúng như đã có sự bất đồng ý kiến giữa các tướng ảnh, về kế-hoạch tấn công Miến-điện.

## CHUYỆN NGOÀI CHIẾN-TRANH

Giữa Đức và Anh, mới đây có chuyện tối thời về vấn đề đối đãi với tù binh. Đức trách Anh, rồi Anh lại trách Đức, sao có ra lịnh cùm xích tù binh, trái với những nắt quốc tế. Chẳng bên nào chịu bên nào, rốt cuộc ở Đức người ta cùm xích tù binh Anh, ở Anh người ta cùm xích tù binh Đức.

Nhưng hôm 23-10, có tin Đức hăm dọa sẽ bãi bỏ điều ước Genève 1864 về sự phải kính nể Hồng thập tự và các sở y tế và về cách đối đãi với tù binh.

Trước đó 11 ngày, Nhựt có tuyên bố rằng các phi công bên địch bị bắt trong những cuộc ném bom xuống đất Nhựt sẽ bị một tòa án quân sự xét xử và có thể bị kết án tử hình, nếu họ đã cố ý ném bom xuống các nhà thương, trường học, v.v., làm những chuyện vô nhân đạo.

— *Tin vắt* : Nội-các *Chili* (Nam Mỹ) từ chức. Bà Roosevelt vừa qua đến Londres hôm 23 10.

## TIN TỨC PHÁP VÀ THUỘC ĐỊA

— Bên Pháp, không quân Anh Mỹ thả bom xuống miền công nghệ *Creusot* ngày 17, xuống quân cảng *Lorient* ngày 21 : 57 người chết, và 270 người bị thương ở Creusot ; 100 người chết, 150 người bị thương ở Lorient.

— Ở *Madagascar*, quân trên đảo chận quân Anh ở phía nam Ambositra.

— Thủy sư đô-đốc Darlan vừa qua thăm Dakar hôm 21 10 : rồi từ Dakar qua viếng Maroc.

— Hôm 20-10, Thủ-tướng Laval khẩn khoản lập lại lần nữa lời kêu gọi dân thợ Pháp hãy qua Đức cho nhiều, để cho tù binh Pháp được trở về.

# Tin trong nước

TRƯỚC cuộc lễ Tăng-tốc, một phòng chưng bày tranh vẽ sẽ mở tại hội Chợ-phiên Nam-vang từ ngày 14 đến 23 Novembre 1942.

Họa-sĩ Nam-kỳ muốn dự cuộc triển-lãm nầy xin gởi đơn gấp cho « Comité de la Foire 1942 — Résidence Supérieure — Phompenh ». Nhớ ghim theo đơn một cái mandat 5p.00 chung đận vào tiền tổn phí.

Những tranh vẽ phải gởi ngay lên trường Mỹ-thuật Nam-vang (Ecole des Beaux Arts de Phompenh), đến ngày 10 Novembre 1942 không thâu nữa.

TRƯỜNG Trung-đẳng Pétrus Ký sẽ nhận lãnh học trò « *externe surveillé* » kể từ ngày 16 Novembre 1942

Mỗi trò phải đóng 4p mỗi tháng ở lớp Trung đẳng, 6p. ở lớp Tú tài.

Đơn xin học phải gởi cho quan Đốc học trước ngày 31 Octobre 1942.

M. ASAYUKI Yokoyama, nguyên chủ tịch phái bộ kinh tế Nhựt ở Đông Pháp mới được bổ làm Cố vấn ở tòa Đại sứ Nhựt ở Đông Pháp.

M. Yokohama đã từ Đông kinh ngồi máy bay qua Saigon và cũng đã đi thẳng ra Hànội để nhận lãnh chức mới.

CHÚA-NHỰT 25 Octobre vừa rồi có 2 cuộc lễ khánh-thành sân vận-động ở Trảng-bàng và ở Tây-ninh. Tại Trảng-bàng cử hành cuộc lễ hồi 7 giờ, còn ở Tây-ninh thì đúng 9 giờ.

Quan Tổng ủy-viên Thể-dục và Thanh-niên ở Đông-Pháp đều có đến chứng kiến cuộc lễ khánh thành sân vận động ở hai nơi.

NGÀY 7 Nov. tới đây, khắp cả Đông-Pháp đều có tổ chức « Tuần-lễ cứu-tế Quốc-gia » để giúp cho tù binh và những người phải khốn khổ vì nạn chiến tranh ở Pháp-quốc.

Hôm ấy tại Saigon sẽ có một buổi hoà nhạc và khiêu vũ đặc biệt của những tay tài tử Studio Ferrer và bà Leroy Pellet, dưới quyền giám đốc của M. Charles Roques.

THÊM 20 Oct. làng báo lại có thêm một đồng nghiệp mới : tờ « *Tân-Á* » tạp-chí ra đời, mỗi tháng xuất bản 2 lần, ngày 5 và 20 tây. Chúng tôi xin chào mừng và chúc cho đồng-nghiệp trường thọ.

GIÁ tiền đánh dây thép đã khởi sự tăng lên từ hôm 15-10-42. Mỗi tiếng giá là một cắt và mỗi cái dây thép cũng phải viết ít nhứt là 10 tiếng.

Về phần các nhà báo đánh dây thép, thì mỗi tiếng tính 3 su, và cũng phải đánh ít nhứt là 0p60

CHIẾU theo nghị-định quan Toàn-quyền Đông-Pháp đề ngày 15 Septembre 1942, tại sở Thanh-tra Lao-động Nam-kỳ có mở ra một phòng chuyên lo kiếm việc làm cho anh em thất nghiệp.

Phòng kiếm việc ấy lãnh phần kiểm xét và giữ mối liên lạc giữa các sở kiếm việc khác đã lập ở Saigon-Cholon và các tỉnh, ngoài ra còn kiếm việc cho thầy thợ (từ hạng lời tớ và người nhà ra) các bằng buôn thất nghiệp hay là quân lính vừa mãn khóa.

Các sở nhà nước muốn mướn công chức ăn tiền ngày hay có giao kèo, đều phải do nơi phòng kiếm việc ấy.

## Thơ tín

Cùng qui vị đại lý :

Đến ngày 31 Octobre nầy xin qui vị làm relevé :

1) N.K.T.B. cho tới số 8 (số 9 ra số là báo nầy, xin để qua relevé tháng sau).

2) Đ. V. T. C. số 1 và số hai.

Xin qui vị chớ quên gởi BÁO DƯ về cho nhà báo và luôn luôn cứ mỗi tháng xin qui vị làm relevé trước ngày 3 tây. Rất cám ơn.

Ty Quản-lý



# Ý vì tình

của HỒ BIỂU-CHÁNH

(Tiếp theo)

— Em mới bắt đầu thêu cây thông đây phải hôn ?

— Thưa, phải. Em thêu cây thông ở góc nầy, để dư chỗ cho nhiều đặng thêu khoảng đồng với dãy núi.

— Dãy núi nằm chỗ nào ?

— Phía trên đây.

— Cái cảnh em nói đó thiệt là cái cảnh chừa chan thi vị. Cha chả, mà thêu cho ra cảnh như vậy, thế khi khó lắm, chớ không phải dễ đâu. Nếu mình vẽ thì mình liệu mà cho màu, có lẽ được ; chớ thêu mà làm cho ra cỏ non, cho ra dãy núi thấy dàng dạng, cho ra màu da trời, thiệt là khó. Phải có cái tâm hồn mỹ-thuật đầy đủ thì thêu mới được.

— Vẽ hay là thêu cũng vậy, nếu không có tâm hồn mỹ thuật thì làm sao cho ra cảnh vật được. Tấm tranh em tính thêu đây thiệt là khó, nhưng mà em sẽ rán dễ hết trí-ý tâm-hồn của em vô đó đặng thêu thử coi được hay không.

Xuân gặc đầu hỏi cô Quế :

— Tấm tranh nầy em thêu đặng bán hay là thêu để chơi ?

— Trong một tuần lễ, em phải làm việc cho người ta đến 6 ngày để lấy tiền mà nuôi sự sống. Còn có một ngày chúa-nhựt em rảnh-rang, em phải để dành ngày ấy em chơi, em có thêm tính làm đặng bán mà kiếm tiền thêm đàn.

— Em tưởng tượng cái cảnh để thêu như vậy đó, có lẽ em có ý gì chờ cuống không. Tôi muốn biết chỗ đó.

Cô Quế ngó ngay Xuân và châm-rãi đáp : « Anh muốn hiểu chỗ đó thì em nói cho anh nghe. Mấy tháng nay em được ba anh hạ cố cho em làm bằng hữu, rồi đàm luận việc đời với nhau, mấy anh làm cho em suy nghĩ đến những việc thuở nay em không để ý. Mấy anh vạch lằm màu thiệt-sự ra cho em thấy bọn thanh niên hiện thời, đâu trai nay gái cũng vậy, người nào xem thường đời của mình cũng chơi, chớ hy-vọng, sống no mình-mòng lại lờ-mờ quá, không biết nhắm đo theo hướng nào mà đi cho tới cảnh hạnh phúc. Tại em thấy như vậy nên em hội ý, muốn thêu bức tranh nầy để ghi tạc tâm-hồn thanh niên trong lúc nầy chơi. »

Quan gật đầu khen : « Em đã có sẵn cái tâm-hồn mỹ-thuật, em còn có thêm cái tâm-hồn thi-sĩ nữa, mà hai tâm-hồn ấy lại xu-hướng về xã-hội, gái như em mới đáng gọi là «gái tân-thời».

Cô Quế lật-đật khoát tay và nói : «Anh đừng khen em chớ. Anh khen như vậy, em tư đắc, em không rán sức, rồi em thua người ta còn gì.»

Quan chưa kịp trả lời, kế thấy dì hai Oanh ở nhà sau đi ra. Cô Quế nói : « Dì của em ra kia. Mời hai anh vô chơi.»

Xuân với Quan cúi đầu chào dì hai Oanh.

Dì hai Oanh biết Xuân, nên vui vẻ nói : « Tôi chào hai cậu. Con dại quá, sao con không mời hai cậu vô nhà, để đứng ngoài

hàng ba mà nói chuyện ? Tôi mời hai cậu vô ngồi chơi.»

Xuân với Quan vô nhà. Cô Quế nhắt ghế mời khách ngồi rồi lo rót nước trà dâng đải khách.

Xuân với Quan ngó trong nhà thì thấy gần cửa có để một cái máy may lau chùi sáng ngời, dựa vách buồng, có một cái tủ kiếng nhỏ, trong tủ có để hàng lụa nhiều màu, lại có mấy gói giấy vuông mà đẹp. Trên bộ ván gỗ, chỗ đi hai ngồi, thì có treo hai khúc tầm-vông làng-lẫy, mỗi khúc có áo vắt lòng-thòng.

Dì hai Oanh nói : « Cách mấy tháng trước, con nhỏ tôi có thưa cho tôi hay rằng ba cậu thấy phận nó nghèo nên chiếu-cố đến nó, muốn kết tình bằng-hữu với nó, rồi chúa-nhựt hội nhau mà dạy cho nó biết cách ở đời. Nó học ít, mà được hai cậu dạy-dỗ, thì quí biết chừng nào. Tôi vui lòng mà cho phép nó liền. Đã biết theo lễ nghĩa của Annam mình thì con gái không được phép gần-gũi với con trai như vậy. Nhưng mà tôi nghĩ sanh đời nào phải theo phong-tục đời ấy. Ở đời nay mà giữ lễ xưa thì không hiệp thời. Đã vậy mà mấy cậu là người học giỏi, lại tôi biết tánh ý của con nhỏ tôi, nhứt là nó có đeo chiếc cà-rá của mẹ nó đó, thì tôi không cần phải ái-ngại. »

Lúc ấy có Quế đương bưng hai tách nước trà đem lại để trên bàn, chỗ khách ngồi. Xuân với Quan ngó tay cô, thiệt có đeo một chiếc cà-rá vàng nhận một hột ngọc màu đỏ bầm.

Cô Quế bước lui lại đầu ván mà ngồi, tay rờ rẫm, mắt ngó trân chiếc cà-rá, sắc mặt buồn thảm chớ không vui vẻ như hồi nãy giờ.

Bây giờ trong nhà im-lìm. Một luồng không khí sầu não phưởng phất làm cho chủ khách đều không an.

Trong lòng ăn năn về mấy lời mới nói đó, dì hai Oanh bèn nói tiếp : « Hễ nhắc tới chiếc cà-rá thì nó buồn. Hai cậu lại thăm chơi, mà tôi vô ý tôi nói tới chiếc cà-rá nên nó hết vui.»

Nghe thêm như vậy, Xuân với Quan càng lấy làm lạ hơn nữa.

Cô Quế nói : « Hột ngọc đỏ gắn trong chiếc cà-rá nầy, là máu của mẹ con. Dì nhắc tới thì con làm sao mà vui cho được ».

Quan không thể nín được, nên hỏi dì hai : «Theo lời dì và lời của em Quế nói, thì dường như chiếc cà-rá em Quế đeo đó, có một sự tích bí mật. Không biết anh em tôi có nên biết sự tích ấy chăng ?»

Cô Quế nói : « Chiếc cà-rá của con đeo đây là cây nêu, là cái đèn rọi, để cho con nhắm mà đi trong đường đời. Dì cứ nói cho hai anh con biết, có hại chi đâu mà ngại.»

Dì hai Oanh mới ngó hai cậu mà nói « Chuyện chiếc cà-rá đó là chuyện không tốt trong thân tộc tôi. Nhưng mà hai cậu đã làm anh em với cháu tôi, chắc hai cậu biết chuyện ấy không lẻ hai cậu chê cười. Vậy để tôi nói cho hai cậu hiểu. Chị em tôi là con nhà nghèo, từ nhỏ chí lớn phải chuyên nghề may mướn mà nuôi thân. Em tôi, là má của con Quế đây, hồi nhỏ có nhan sắc, ai thấy cũng gấm ghé. Chúng tôi vẫn biết phận mình nghèo hèn, chúng muốn là muốn chơi qua đường, chớ có ai tính kết nghĩa vợ chồng trăm năm bao giờ. Em tôi biết số phận như vậy, nên nó giữ gìn đến 20 tuổi, không có nhơ-bợn một chút nào hết.

« Một lúc nọ, có một người thuộc về hạng thượng lưu, chớ không phải là bợm điếm-đàng, cứ theo dụ dỗ rủ quến nó, nói nhơn nghĩa nghe hay lắm, rồi mua cho nó chiếc cà-rá đó, hứa hễ để vợ xong rồi thì cưới nó. Em tôi tưởng nghĩa trăm năm, không cần dè dặc nữa, nên mới kết tình với người ấy rồi sanh con Quế đó. Lúc sanh, em tôi nài-nỉ xin người ấy đứng khai sanh giùm cho con Quế nó có cha. Người ấy nói vì vợ để chưa xong, nếu đứng khai sanh thì trái luật, bởi vậy phải đợi để vợ xong rồi, thì sẽ ra trước Tòa mà nhìn nhận con, chẳng muộn gì. Chị em tôi không biết luật, nên tưởng thiệt như vậy, không nghi ngại chi hết. Chẳng dè chừng người ấy để vợ được rồi, lại kiếm cớ khác mà nói, cứ lần lựa hoài, không ra Tòa nhìn con Quế là con, mà cũng không đem mẹ con nó về ở chung. Đến chừng con Quế được 10 tuổi, người ấy lần lần không tới lui nữa, rồi sau lại đi cưới vợ, cưới con một ông điền-chủ ở dưới vườn, bỏ đứt mẹ con con Quế.

« Em tôi nó buồn rầu hết sức, ăn ngủ không được. Một đêm, con Quế đương ngủ, em tôi kêu con nhỏ thức dậy, khóc mà nói hết sự bạc bẻo của cha nó cho nó nghe, lấy chiếc cà-rá đeo vào tay cho con nhỏ, rồi lấy dao cắt



họng mà chết. Em tôi nó trối với con nhiều lắm, làm cho con nhỏ cảm động, nên từ ấy đến nay con Quế giữ chiếc cà-rá đó hoài, không khi nào chịu rời ra. Thấy gương của mẹ nó như vậy, con Quế nó oán hết thảy đờn ông con trai ; mấy năm nay trai nào chọc ghẹo nó đều bị nó từ nan hết thảy. Đó, sự-tích chiếc cà rá là vậy đó. »

Quan trầm-tịnh, sống ngay thẳng, bởi vậy nghe dì hai Oanh thuật chuyện thì nóng giận không thể dằn được. Chừng dì hai nói dứt lời, Quan châu mày hỏi : « Thưa dì, ông thượng-lưu bạc tình, giết chết đờn bà như vậy đó, chừng hay tin ông có ăn năn hay không ? »

Dì hai lắc đầu đáp :

— Người ta có thèm tới lui gì đâu, mà mình biết người ta ăn năn hay là không ăn năn.

— Đã được một bài học ở đời rất thảm khổ như vậy, ít nữa cũng phải ăn năn mà nhìn em Quế, là con chớ.

— Không. Có nhìn đâu !

Cô Quế vụt nói lớn : « Dầu muốn nhìn đi nữa, em cũng không chịu. Một người cha như vậy mà mình cho nhìn làm chi : không đáng cho mình kêu bằng cha ».

Xuân nói : « Anh kính phục mấy lời em nói đó lắm. »

Quan nói với dì hai Oanh : « Dì hai coi hai cháu cũng như con cháu trong nhà, nên mới đem việc gia-đình mà nói cho hai cháu biết. Bây giờ anh em cháu được biết sự thống khổ của em Quế, thì anh em cháu lại càng qui trọng kính mến em nhiều hơn nữa ».

Dì hai Oanh nói : « Xin mấy cậu thương giùm phận nó ».

Xuân đứng dậy mà đáp : « Ba anh em cháu hứa chắc với dì, anh em cháu sẽ tận tâm mà bảo hộ em Quế, bảo hộ luôn luôn, không để ai gạt gẫm em Quế được đâu ».

Dì hai Oanh gật đầu mà cười và nói : « Cám ơn ».

Xuân và Quan từ mà về, sắc mặt buồn hiu, nhứt là Quan.

## VII

MỘT buổi chiều, trời chuyển mưa, mây giăng mù-mịt, gió thổi ào-ào. Thầy thợ ra khỏi sở, ngó thấy quang cảnh như vậy thì sợ mắc mưa, nên bươn bả đi riết về nhà. Ngoài đường, người ta đi dập-dìu, lại thêm xe hơi, xe ngựa, xe máy chiếc xuống chiếc lên, tiếng chuông leng-keng, tiếng kèn te-tét,

Cô Quế đi thêu ngoài nhà hàng, cô cũng đi về như người ta, và cũng như người ta cô đi xăng-xớm, bộ như sợ mắc mưa. Thế mà cô không đi riết về nhà, cô lại ghé vô căn nhà của cậu Xuân. Thấy cửa giữa đóng chặt, cô lại đứng chỗ cửa sổ mà kêu thằng Chi.

Chị chín Thiện ra mở cửa và nói : «Cô hai đi thêu về sớm dữ. Thằng Chi mới đi ra chợ mua bánh mì. Cô hai cần dùng sai nó đi đâu hay sao ?»

Cô Quế mau mắn đáp :

— Không, không... Anh Xuân chưa về hay sao ?

— Thưa, chưa. Cậu tôi đi thi trong trường.

— Tôi biết... Thì đã cả tuần rồi chớ. Bữa nay vô trường đặng nghe xướng danh coi đậu hay rớt. Sao tôi chừng nầy mà chưa về vậy kìa !

— Tôi vái cho cậu tôi đậu.

— Tôi cũng vậy chớ... Tôi vái cho đậu hết: nếu người nào rớt thì tôi buồn lắm.

— Mời cô hai vô nhà chơi. Tôi rồi chắc cậu tôi gần về.

— Dì đi nấu cơm đi dì chín. Để tôi đứng ngoài nầy tôi chơi một chút.

Chị chín Thiện trở vô bếp. Cô Quế đứng ngước hàng ba ngó ra đường, có ý trông cậu Xuân.

Thằng Chi đi chợ về, tay có cầm một ổ bánh mì.

Cô Quế thấy nó bước vô thì cô nói : « Em coi nhà nghe hôn em Chi. Để qua về một chút rồi qua trở lại ».

Thiệt quả cô về chẳng bao lâu thì cô lại nữa.

Bây giờ trời đã tan mây lặng gió, Thằng Chi thấy đã tối rồi, nên vặn đèn trong nhà cho sáng. Thế mà cô Quế không vô. Cô đứng trên thềm nhà cứ ngó mong, bỗng thấy Xuân với Triều dắng xa đi lại, bộ đi chậm-rãi, dường như không muốn tới nhà cho mau. Cô Quế nóng-nẫy, muốn bay tin liền về cuộc thi, nên cô bước ra đường mà đón hai cậu. Chừng hai người đi gần tới thì cô lật-đật hỏi : « Đậu hay không ? »

Triều lắc đầu và chúm-chím cười mà đáp :

— Rớt !

— Hả ? Rớt hết hay sao ?

— Rớt hết !

— Trời ơi ! Anh Quan cũng rớt nữa à ?

— Quan mà rớt sao được. Nó đậu mà được lời khen của ban Giám-khảo nữa chớ.

Ba người dắt nhau vô nhà.

Xuân buồn hiu, quăng cái nón trên bàn rồi nằm ngữa trên ghế xít-đu, mắt lim dim, không nói một tiếng chi hết.

Triều quày máy bát mà hát đĩa «Trảm Trịnh-Ân», đứng nghe hát tự nhiên, dường không quan tâm đến sự thi rớt.

Cô Quế thấy cậu Xuân buồn thì nói : « Người ta thường nói « Học tài thi mạng». Kỳ nầy rủi rớt thì rán học thêm nữa đặng kỳ sau thi lại. Phải kiên nhẫn, phải cố gắng, phải phấn chí luôn luôn, chẳng nên ngã lòng.»

Xuân cứ nằm thiêm thiếp. Triều cứ đứng nghe hát máy.

Cô Quế muốn giải buồn cho hai cậu, cô bèn bước lại ngừng máy hát, mời Triều ngồi, kêu thằng Chí biểu dọn cơm, cô đi lăng xăng, cô nói không ngớt, chớ không lẽ chỉnh nghiêm nghị như trước nữa.

Thấy Xuân cứ nằm tro-trơ, cô mới kêu mà nói : «Anh Xuân, dậy đi thay đồ, rửa mặt rồi ăn cơm chớ. Em đã có ra cho đi em hay rồi, bữa nay em ở đằng nầy em ăn cơm với anh. Em đói bụng quá, dậy ăn cơm đặng em ăn với chớ.»

Triều tiếp nói : « Dậy ăn cơm toa, Xuân. Mỏa cũng đói bụng nữa ».

Xuân thũng-thẳng đứng dậy và nói : «Tôi hết muốn ăn cơm.»

Cô Quế cười và nói ; « Trời ơi ! Thi rớt rồi tính tuyệt cốc hay sao ? Làm trai gì mà yếu trí quá vậy ? Thanh-niên tân-học ta phải có chí kiên nhẫn, phải có óc hùng-cường. Đường đời tự nhiên có chông gai nhiều. Mình phải lập thế tránh mà đi chớ tới nơi tới chốn mới hạp. Đã biết thi rớt là một việc trắc trở đáng tiếc lắm. Nhưng mà sự trắc trở ấy nhỏ xíu không đáng cho mình sầu nảo. Thi rớt thì học thêm đặng thi lại, học hoài cho thi đậu mới nghe. Phải có cái chí như vậy mới được. Làm trai nếu gặp việc khó khăn rồi buồn rầu thất chí, như thế thì có hơn đàn-bà con gái chỗ nào đâu ! »

Có lẽ mấy lời cứng cỏi ấy làm cho Xuân hoặc phấn chí, hoặc hổ thẹn, bởi vậy cậu mau mau đi rửa mặt, không ngần ngơ dã dượi nữa.

Triều ngồi hút gió rồi nói : « Ai học nữa thì học. Tôi xin kiếu ; về cưới vợ, rồi làm ruộng, đặng làm nhà giàu đi xe hơi chơi. »

Thình lình Quan ở ngoài bước vô và nói : « Hai anh rớt, tôi buồn quá. Chớ chi ba anh em đậu hết, tôi mới vui. »

Cô Quế mừng nói :

— Em nghe anh đậu, em vui quá. Em mừng cho anh.

— Cám ơn.

— Anh Xuân với anh Triều về nảy giờ buồn hiu. Em xin anh ở ăn cơm nói «nuyện chơi cho hai anh đó bớt buồn một chút.

— Thình lình quơ, đâu có cơm sẵn mà ăn.

— Có mà. Để em sắp đặt mua đồ ăn thêm. Anh đừng lo.

Cô Quế bỏ ba cậu ở ngoài nói chuyện thì cô đi vô trong mà lo bữa cơm. Cách một hồi cô trở ra mời ba cậu đi ăn cơm, đồ ăn đã dọn đủ hết. Bốn người ngồi ăn, cũng theo thứ tự *Mai, Lan, Cúc, Trước.*

Triều hỏi Xuân :

— Hãy giờ toa tính sao đây Xuân ? Toa nói nghe thử coi.

— Tính giống gì ?

— Toa nghe lời em Quế toa học nữa hay sao ?

— Mỏa chưa nhứt định, để suy nghĩ ít bữa rồi sẽ hay.

— Mỏa tính như vầy, hay lắm toa. Toa trở về Cần-thơ mà ở, mỏa về Bạc-liêu. Mỏa xin vô tỉa mỏa kiếm hai cô gái, con nhà giàu, nói mà cưới cho hai anh em mình, rồi mình lo làm ruộng, buôn lúa, đặng làm nhà giàu chơi.

— Mỏa không có chí làm nhà giàu.

— Toa cứ tính chuyện viển vông hoài !

— Không phải viển-vông. Thuở nay mỏa đi học, mỏa quyết học cho thành tài, đặng mỏa dùng tài học của mỏa mà mở trí đồng-bào, cải lương xã-hội, làm quốc-dân cao thượng, làm cho nước nhà chấn hưng. Mỏa đã có nói với toa, mỏa nhứt định không cưới vợ, mà cũng nhứt định không làm nhà giàu. Vậy toa muốn làm việc gì thích ý toa, thì toa cứ làm đi, đừng có rủ mỏa.

— Toa tính việc mình-mông, đã mệt trí mà lại không có ích gì cho toa hết.

— Nếu mỗi người cứ lo lợi ích cho mình, thì xã-hội không ra gì hết. Mỏa giận rồi, có lẽ mỏa sẽ đi Tây mà học.

*(Còn nữa)*

*(Tiếp theo)*

Một vị sĩ-quan của Tể-tướng lấy tay chỉ cầu thang phía bên kia mà nói :

« Bẻ-hạ ở phía bên kia, anh đi ngay lại cầu thang chỗ tôi chỉ đó. »

Khách không trả lời, xây lưng trở qua bên kia đền. Chỗ nầy trái với chỗ trước, gã tối-tâm lại lặng lẽ, chỉ có một ngự-lâm-quân đi qua đi lại coi như cái bóng. Thấy khách xăm xăm đi tới, ngự-lâm-quân hỏi :

— Đứng lại, không thì chết.

Khách đáp :

— Tôi không phải là kẻ nghịch.

— Chú muốn điều chi ?

— Tôi muốn yết-kiến Bệ-hạ.

— Không được...

— Tại sao vậy ?

— Nhà vua đã yên nghỉ.

— Nghỉ rồi à ?

— Phải.

— Không bẩm chi, xin cứ để tôi vào yết kiến Bệ-hạ.

— Không được, đàn ra cho mau.

Ngự-lâm-quân vừa nói vừa chĩa gươm đi tới ; nhưng khách vẫn đứng một chỗ, dường như chơn đã mọc rễ và hỏi :

— Xin lỗi, ông phải dòng qui-phái chăng ?

— Chánh thị.

— Tôi đây cũng dòng qui-phái ; vậy cùng nhau cũng nên có chút nhơn tình.

Ngự-lâm-quân nghe nói, liền hạ gươm xuống mà nói :

— Ông muốn chỉ thì nói đi, nếu tôi liệu được thì tôi cho...

— Cám ơn ông. Ông ở dưới quyền một vị sĩ-quan phải chăng !

— Phải rồi.

— Vậy ông cho tôi nói chuyện với vị sĩ-quan ấy.

— Được, tôi sẵn lòng ; ông hãy bước lên thang lầu.

Khách chào rồi bước lên thang lầu, thì ngự-lâm-quân lại hô lớn cho người phía trên truyền báo vào trong.

**KIẾM-HIỆP TIỂU-THUYẾT**

**do Thân-Văn NGUYỄN-VĂN-QUÍ**

*Dịch truyện « LE VICOMTE DE BRAGELONNE » của ALEXANDRE DUMAS*

Vị sĩ-quan đang ngủ, giựt mình thức dậy, xỏ chơn vào hia, tay dụi mắt, tay gài nút áo, bước tới trước mặt khách mà hỏi :

— Ông muốn điều chi ?

— Ông phải là quan hai ngự-lâm quân chăng ?

— Phải...

— Vậy ông hãy để tôi vô yết-kiến bệ-hạ.

Sĩ-quan chăm chỉ ngó khách, biết khách không phải người thường, bèn nói :

— Ông không phải là người lảng trí mà không biết rằng muốn yết-kiến Bệ-hạ tự nhiên phải đợi Bệ-hạ cho vào mới vào được.

— Không sao, ngài sẽ cho tôi vào.

— Xin lỗi ông, cái đó tôi không dám chắc; là vì Bệ-hạ mới về tới đây không đầy 15 phút, ngài còn đương thay áo. Đã vậy mà ngài có ra lịnh không cho ai vào. Lịnh ấy tôi không dám cãi.

Khách ngước mặt lên và nói :

— Nếu Bệ-hạ biết được có tôi đến, thì ắt ngài sẽ bãi cái lịnh ấy.

Quan trung-úy lấy làm lạ hỏi :

— Vậy ông là ai, xin nói tên cho tôi biết, rồi tôi sẽ vào tâu với Bệ hạ.

— Ông vờ tàn rằng có vua Charles II, là vua nước Anh, tới viếng.

Quan trung-úy giựt mình, lui lại, mặt lộ vẻ sợ :

— Bệ-hạ mà tôi không biết. Đáng lẽ tôi nhìn biết Bệ-hạ.

— Trung-úy có thấy hình ta sao ?

— Tâu Bệ-hạ không.

— Hay là trung-úy gặp ta ở triều, lúc ta chưa bị đuổi ra khỏi nước Pháp.

— Tâu Bệ hạ, cũng không phải.

— Nếu trung-úy không thấy hình ta, không gặp ta thì làm sao nhìn biết ta được ?

— Tâu Bệ-hạ, tuy tôi không thấy Bệ-hạ, nhưng tôi thấy đức vua Charles 1er trong hoàn-cảnh vô cùng ghê-gớm.

— À; ngày mà cha ta bị...

— Tâu Bệ-hạ phải.

Vua Charles II châu mày, dường như có một luồn bắc-khí bay ngang mặt ngài :

— Bây giờ trung úy báo được chưa ?

— Tâu Bệ-hạ, xin tha lỗi cho tôi, vì Bệ hạ ăn mặc đơn-sơ quá, tôi không ngờ. Để tôi vào báo tức thì ; nhưng tôi muốn biết coi Bệ-hạ có cần giữ kín việc này chăng ?

— Nếu giữ được thì càng tốt.

— Tâu Bệ-hạ, giữ được ; nhưng xin Bệ-hạ giao thanh kiếm lại cho tôi.

— Phải, ta quên rằng hễ vào yết kiến nhà vua thì không đặng mang gươm. Đây thanh kiếm ta giao lại cho trung-úy, hãy vào báo đi.

Trung-úy vừa vào báo, thì cửa cung mở bật, vua Louis XIV bước ra không đội nón, không mang gươm, thấy vua Charles II liền đuổi quân hầu ra ngoài, rồi lật đật hỏi :

— Ủa, Hoàng-huynh đến Blois hồi nào ?

— Tôi lính lên Paris chầu Bệ-hạ ; kỗ nghe Bệ-hạ ngự giá đến Blois, tội mới ở lại đây vì có việc cần kíp muốn tâu cho Bệ-hạ rõ.

— Ở trong cung này nói chuyện được chăng, Hoàng-huynh ?

— Được, bởi vì tư bề kín mít, chắc không ai nghe mà sợ.

— Vậy thì hoàng-huynh hãy nói đi.

— Trước khi tôi nói, tôi xin Bệ-hạ xót thương nhà tôi.

Vua Louis XIV kéo ghế lại gần lóng tai nghe. Vua Charles II tiếp nói :

— Chắc bệ-hạ đã biết rõ cả chuyện thảm-khốc của tôi, tôi không cần phải kể đầu đuôi gốc ngọn làm chi.

Nhà vua lộ vẻ bợ ngợ, cầm tay vua Charles II nói :

— Hoàng-huynh ôi, nói ra thêm mắc cỡ, chớ không bao giờ Tể-tướng luận quốc sự trước mặt tôi. Lại còn một chuyện nầy nữa, là khi trước tôi hiếu Laporte đọc sử sách cho tôi nghe; Tể-tướng không cho đọc và không cho Laporte ở trong cung. Bởi vậy tám sự của Hoàng-huynh tôi đâu có rõ hết được, xin Hoàng-huynh cứ kể lại có đầu có đuôi cho tôi nghe.

— Bệ-hạ cũng biết, năm 1650, khi Cromwell đi viễn chinh ở Irlande, tôi được tôn làm vua ở Stone. Một năm sau đó, Cromwell bị thương trở lại, đem binh về đánh tôi. Bấy giờ ý tôi muốn gặp người và muốn ra cho khỏi xứ Ecosse.

— Ecosse là quê hương của hoàng huynh mà?

— Phải, nhưng mà dân Ecosse ở với tôi vô tình, độc ác lắm. Chúng bảo tôi phải bỏ cái đạo của ông cha đi. Chúng treo cổ Montrose là tôi trung của tôi. Trước khi chết, Montrose xin khi chết rồi, hễ xứ Ecosse có mấy thành thì phân thây ra mấy đoạn cho người ta rõ tấm lòng trung của mình. Cho nên tôi đi đến đâu cũng đạp nhằm xương thịt của một người tôi trung đã phơi gan trải mật vì tôi.

« Tôi liều mạng qua khỏi vòng binh Cromwell mà về nước Anh, Cromwell lại tức theo sợ tôi về tức vị ở Londres. Phải chi tôi lên trước thì đã được ngôi báu, nhưng vừa đến Worcester thì người theo kịp.

« Ngày mồng 3 tháng chín năm 1651, tôi thất trận. Chung quanh tôi hai ngàn quân ngã rạp, mà tôi không lui bước ; nhưng sau rồi quả bất địch chúng, tôi phải chạy dài.

« Chúng nó theo quá, tôi phải cắt tóc, phải giả dạng tiều phu. Tôi phải trốn cả ngày trên nhánh cây đại thọ. Người ta lại lấy tích đó mà kêu cây đại-thọ nọ là đại-thọ của nhà vua. Tôi tới địa phận Stafford, tôi trú trong một cái nhà nọ ; chừng ra đi tôi chở con gái chủ nhà trên lưng ngựa, chuyện ấy tới ngày nay người ta còn thuật lại. Ngày sau tôi sẽ chép một thiên ký sự cho mấy vua em của tôi đọc.

« Trong thiên ký sự ấy tôi sẽ nhắc lại lúc tôi tới đình Norton, tôi thấy một đức-thầy đương coi người ta đương chơi liệng đạn. Tôi lại gặp người tá giả vừa thấy tôi liền khóc và kêu tên tôi, may không tôi đã bị người ta biết mà bắt giết chết rồi. Tôi sẽ viết rõ những lúc nào tôi kinh-khủng, như khi tôi tới nhà quan năm Windham, một tên đóng móng ngựa coi ngựa chúng tôi nó nói rằng ngựa của chúng tôi đóng móng ở miền bắc, làm cho tôi sợ người ta truy ra lai-lịch của tôi thì chết.

— Hoàng- huynh nói lại tôi mới hay, chớ còn tôi chỉ biết hoàng-huynh xuống tận ở Brighelmsted mà qua Normandie.

— Bệ-hạ coi, chúng ta làm vua, mà vua nầy không hay chuyện vua kia, thì làm sao tương cứu được.

— Tôi xin hỏi hoàng-huynh, dân Anh đối đãi với hoàng-huynh vô tình như vậy, sao hoàng-huynh còn để hy-vọng vào cái xứ khốn nạn, vào thứ dân phản nghịch ấy ?

— Bệ-hạ không hiểu, từ trận Worcester tới giờ, cuộc thế đổi dời nhiều lắm. Cromwell ký tờ hiệp ước với Bệ-hạ rồi thì chết nhằm ngày mồng ba tháng chín năm 1658, là ngày kỷ niệm hai trận Worcester và Dunbar.

— Người chết rồi thì con người kế nghiệp.

— Tâu Bệ-hạ, phải rồi, nhưng cái sự nghiệp của Cromwell vĩ-đại quá cho nên con là Richard Cromwell không đỡm-đương nổi. Richard không theo chủ-nghĩa cộng-hòa, cũng không thuộc phe đế-quốc, để cho mấy vị đại-tướng chuyên quyền, nhu-nhược cho đến đỗi phải bị phế ngày hai mươi hai tháng tư năm 1659, cách đây hơn một năm đó Bệ-hạ.

« Từ đó, nước Anh không khác một sòng cờ bạc, mạnh ai nấy lo giựt cho được ngôi vua của cha tôi. Hai tay cờ bạc lớn nhứt là Lambert và Monck. Tâu bệ-hạ, phiền tôi, cũng muốn gầy vào sòng nọ để khôi phục giang-sơn lại. Hoặc là tôi đem một triệu bạc để lo lót cho một trong hai người đó, dụ về làm vây cánh cho tôi, hoặc là tôi nhờ Bệ hạ giúp cho hai trăm hiệp sĩ để đuổi họ ra khỏi đền Whitehall.

— Nói vậy hoàng-huynh đến đây cậy tôi...

— Phải, cậy Bệ-hạ giúp cho một tay. Đó là nhà vua giúp nhà vua, lại cũng là đồng đạo giúp đồng đạo, Bệ-hạ giúp của bay là giúp người. Bệ-hạ mà giúp tôi thì trong một tháng, hoặc tôi đem Lambert chọi với Monck, hoặc đem Monck đánh Lambert, khôi phục cơ đồ lại, không tốn một đồng vàng của xứ tôi, không tốn một giọt máu của dân tôi, bởi vì bấy lâu nay họ dấy loạn đặng xướng lên thuyết bảo-hộ, thuyết cộng-hòa, họ đã chán rồi, bây giờ chỉ trông nhà vua trở về mà qui thuận, Bệ-hạ giúp tôi tái ơn ấy tôi trọng hơn là ơn phụ-hoàng tôi. Phụ-hoàng ôi ! Vì phụ-hoàng mà điêu tàn cơ-nghiệp.... Bệ-hạ coi, tôi khổ tâm, rũn-chí cho đến phải trách tới phụ-hoàng tôi, thì Bệ hạ hiểu cái tình cảnh của tôi ».

Charles II nói rồi, hai tay ôm đầu, dường như hối hận về lời phiền trách vua cha.

Vua Louis XIV cũng nảo ruột, ngồi không an chỗ, lại nói cũng không ra lời.

Một hồi lâu, vua Charles II đè nén được lòng cảm xúc tiếp nói :

— Tâu Bệ-hạ, xin Bệ-hạ trả lời. Tôi trông đợi câu trả lời của Bệ-hạ cũng như một người phạm tội trông đợi án tòa. Hay là tôi phải chết?

— Hoàng-huynh muốn tôi giúp một triệu đồng à ? Một phần tư số đó tôi còn không có thay, huống chi một triệu. Tôi làm vua nước Pháp, cũng như hoàng-huynh làm vua nước Anh, không có chi cả. Tôi đây không khác hình nộm, ngồi trên ngai vàng.

— Thật vậy sao ?

Vua Louis xuống giọng nói :

— Hoàng-huynh ôi, tôi làm vua mà tôi chịu nhiều sự khốn khổ hơn hết thảy tôi-con của tôi

nữa. Chớ phải chi Laporte có ở đây thì nó sẽ nói cho anh biết rằng có khi tôi đấp đờ-ra rách lời chơn ra ngoài. Tôi muốn lấy xe đi chơi, thì người ta đem xe cũ lại cho tôi. Tới giờ ăn của tôi, người ta lại đi xuống nhà bếp Tể-tướng mà hỏi coi có dễ đồ ăn cho nhà vua không? Anh xem đó coi, cho tới ngày nay, tôi đã trưởng-thành rồi, đáng lẽ tôi xuất phát của kho, đáng lẽ tôi coi hết việc quốc-chánh, dầu khi thái bình, dầu lúc ly loạn, mà không ngờ, Anh để mắt ngó chung quanh tôi thì thấy tình cảnh của tôi là thế nào : ở cung tội thì lặng ngắt như tờ, người ta khinh, người ta bỏ xó ; còn anh đòm phía bên kia mà coi, thiên hạ rộn rịp đèn đuốc lòa trời.

Người ở bên đó mới thiệt là vua nước Pháp!

— Bệ-hạ nói nơi chỗ Tể-tướng nghỉ đó chăng ?

— Phải.

— Vậy thì tôi đã thức thủ vô sách rồi còn chi, vì không bao giờ tôi đi xin xỏ người đó. Va với tôi có cái tiền cứu là khi trước va muốn để cho mẹ tôi và em gái tôi, (là con gái vú cháu ngoại vua Henri IV) chết lạnh và chết đói. May nhờ có Tể-tướng De Retz cho cũi và bánh mì không thôi chẳng còn.

Vua Louis nói lầm thầm :

— Để cho chết ! Ác nghiệt !

— Tâu Bệ-hạ, vậy thì Charles II nầy chắc phải chết đói rồi !

Vua Louis châu mày và vò tay áo coi bộ bực tức.

Vua Charles thấy nhà vua thế ấy biết nhà vua cảm động mới cầm tay nói ;

— Cám ơn Bệ hạ. Bệ hạ ở trong hoàn cảnh như bây giờ mà biết thương xót tôi thì đủ rồi.

Vua Louis vùng ngước mặt lên, ngó vua Charles, hỏi :

— Hoàng-huynh nói rằng cần phải có một triệu đồng hay là hai trăm hiệp sĩ, phải không ?

— Tâu Bệ-hạ, một triệu đủ dùng.

— Một triệu e không đủ chăng ?

— Lấy một triệu mua một người là nhiều lắm.

— Còn hai trăm hiệp sĩ, giỏi lắm thì làm một đội binh nho nhỏ, có đủ vào đâu ?

— Tâu Bệ-hạ, cái tục trong gia - quyến tôi không cần phải dùng nhiều người. Khi cha tôi bị tòa Nội-các xử tử, đem ra hành - hình binh bao mấy vòng, mà bốn tay hiệp-sĩ Pháp gần cứu được, thì Bệ-hạ xét coi, hai trăm người tận-tâm là đủ dùng.

— Ấy vậy, nếu tôi tìm cho Hoàng-huynh được một triệu đồng hay là 200 hiệp-sĩ thì hoàng-huynh sẽ vui lòng và sẽ coi tôi là một đứa em có nghĩa, phải chăng ?

— Tôi sẽ coi Bệ-hạ là người ân của tôi, và nếu tôi phục nghiệp được, thì sẽ làm cho hai nước Anh, Pháp giao-hảo cùng nhau cũng như tôi với Bệ-hạ là anh em vậy.

Vua Louis đứng dậy hâm-hở nói :

— Được, chỗ mà hoàng-huynh ngại không muốn hỏi, tôi sẽ hỏi giùm cho.

Việc mà tôi không muốn lo riêng cho tôi, tôi sẽ làm cho anh, Tôi sẽ giáp mặt Tể-tướng, xin một trong hai điều anh muốn đó.

— Bệ-hạ thật là một người quảng đại. Bệ-hạ cứu tôi được thì tôi nguyện kết-cỏ ngậm-vành để đền ơn cho Bệ-hạ.

Vua Louis nói nho nhỏ :

— Xin hoàng-huynh đừng nói lớn, e người ta nghe, Chúng ta chưa có được chi thì chớ vội mừng. Hối tiền Mazarin không phải dễ, còn hơn đi qua một khu rừng mà mỗi cây mỗi có quỉ, còn hơn là đi chinh-phục thế-giới nữa.

— Vậy sao Bệ hạ nói Bệ hạ hỏi...

— Tôi có nói như vậy đâu. Tôi nói không khi nào tôi chịu hỏi.

Vua Charles nghe nói lấy làm lo ngại. Vua Louis lại tiếp nói :

— Xin lỗi Hoàng-huynh, tôi không xin xỏ là vì tôi không mẹ, không em, còn cái ngai vàng của tôi tuy nó trần trụi, song nó vững như trồng. Xin lỗi anh, đừng có phiền tôi về lời nói ích-kỷ ấy; để tôi chuộc lỗi của tôi. Tôi xin hỏi Tể tướng bây giờ đây. Anh chờ tôi một chút, tôi sẽ trở lại liền.

*(Còn nữa)*



# BUỔI HỌC CUỐI CÙNG

*(Tiếp theo trương 8)*

quyển sách A,B,C, ông đánh vần từ chữ với mấy đứa nhỏ ! Rỏ ràng là ông cũng chăm-chỉ cố gắng, giọng ông run-run vì cảm động, và nghe nó buồn cười làm sao, đến nỗi chúng tôi thấy đều nửa muốn cười nửa muốn khóc ! Chao ôi! cái buổi học cuối cùng đó, tôi sẽ còn nhớ mãi !...

Thình lình, kiểng nhà thờ đổ 12 giờ rồi tiếp theo liền hồi chuông trưa. Cũng một lúc ấy, tiếng kèn của những người lính Phổ đi tập dượt về nổi lên bên cửa sổ... Ông Ha-Mên đứng dậy sau bàn dạy, mặt tái ngắt. Chưa bao giờ tôi thấy ông có vẻ « oai nghi » như thế. Ông nói :

« Các con ơi, các con, thầy... thầy...»

Nhưng có cái gì làm cho ông nghẹn họng, ông không nói được hết câu !

Ông bèn quay lại bảng đen, cầm một cục phấn, rồi, lấy hết toàn lực mà nhấn, ông viết mấy chữ thiệt là hết sức ớn :

« Đại-Pháp vạn-tuế !

Đoạn ông đứng im đó, đầu dựa vào vách tường, và không nói rằng một lống, nhè nhẹ đưa tay ra hiệu cho chúng tôi:

« Tuổi, tết rồi... các con đi đi ! »

**Alphonse Daudet**
*(Contes du Lundi)*
**HOÀNG-PHÊ** dịch


## *Trừ phong giải độc huờn*

CỦA NHÀ THUỐC **HAY** (CẦN-THƠ)

Chuyên trị nhức mỏi, đau lưng, tê, bại, sưng, ngứa, mề đai, ghẻ lác, do phong và nọc phong tình.

Đàn bà sanh con có phong, đẹn ghẻ, nuôi không dặng, uống thuốc nầy dưỡi phong sau sanh con để nuôi. (Thuốc không kỵ thai).

— GIÁ .. .. .. 0p.60 —

*Cần đại-lý mỗi tỉnh.*


# AVIS D'APPEL D'OFFRES

## Budget Local

Lieu, date et heure de l'Appel d'offres.

Bureau de l'Ingénieur en Chef de la Circonscription des Travaux Publics de Cochinchine à Saigon, le Jeudi 5 Novembre 1942 à 10 heures.

*OBJET* : Livraison à pied-d'œuvre de 2,320 m3 de latérite nécessaires au rechargement de la Route Locale N° 13 entre les P.K. 108 et 112-640 dans la Subdivision de Thudaumot.

La latérite devra provenir de la carrière du P. K. 130 500 près du Suối Sa-Cat.

Importance approximative : 11,600p.00
Cautionnement provisoire : 190p.00
Cautionnement définitif : 3.800fr.00

Bureau où le dossier peut être consulté :
Bureau de l'Ingénieur Principal, Chef de l'Arrondissement du Nord à Saigon.

N. B. — Le marché à passer sera dispensé des droits de timbre et d'enregistrement (Arrêté du 5 Janvier 1940 approuvé par décret du 27 Janvier 1940).


## Thuốc trị ho lao

Tôi có một phương thuốc gia-truyền trị bịnh ho lao rất hay.

Nếu bịnh thiệt nặng làm cho phải tắc tiếng một và nóng lạnh luôn luôn, uống vào thì thấy khoẻ và bớt mệt. Nếu bịnh chưa thiệt nặng như ho đàm, ho gió, ho khan, ho phong ho ra máu vân vân thì uống mau lành. Những người bị té, bị đánh động phổi, tức ngực uống vào thấy hiệu nghiệm liền.

Vì có nhiều người dùng thấy hay nên khuyến khích tôi làm ra để giúp ích cho người có bịnh.

Mỗi hộp có hai thứ thuốc : một thứ nhuận trường đuổi đàm, một thứ bổ phổi trị ho.

**GIÁ LÀ 12 p, 00**

Có toa chỉ cách kiên cữ và món ăn cho mau lành bịnh. Tùy theo bịnh, uống một hoặc 2 hay 3 tuần thì lành.

Thơ và mandat mua thuốc xin đề cho :

**M. NGUYỄN-VĂN-SÁNG**
Cựu Hương-giáo làng Tân-Quới
Boite postale n° 10 Cantho